

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9023/BTC-ĐTNN

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2025

V/v rà soát, hoàn thiện về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đối với Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

HOÀ-TỐC

Liên quan đến hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, ngày 30/5/2025, Chính phủ đã có Tờ trình số 456/TTr-CP trình Quốc hội về dự án xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (dự thảo Nghị quyết).

Ngày 10/6/2025, Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội (UBKTTTC) đã có Báo cáo số 507/BC-UBKTTTC15 thẩm tra về dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH) thảo luận tại Tổ (ngày 11/6/2025) và Hội trường (ngày 12/6/2025), Tổng thư ký Quốc hội có Báo cáo số 5214/BC-TTKQH ngày 16/6/2025 tổng hợp ý kiến của các vị ĐBQH thảo luận tại Tổ, tại Hội trường về dự án dự thảo Nghị quyết.

Ngày 19/6/2025, Chính phủ đã có Báo cáo số 535/BC-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến ĐBQH thảo luận tại Tổ và Hội trường và ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chủ trì cuộc họp, có ý kiến về việc rà soát, tiếp thu, giải trình đối với dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết.

Thực hiện điểm c Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025¹ và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật², Bộ Tài chính

¹ Chậm nhất là 03 ngày trước ngày Quốc hội biểu quyết thông qua, cơ quan trình chủ trì, phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan hoàn thành việc rà soát, hoàn thiện về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đối với dự thảo luật, nghị quyết và gửi Quốc hội

² Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo, Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo; ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và có văn bản gửi bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo về kết quả rà soát trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo.

đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện rà soát, hoàn thiện về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và gửi về Bộ Tài chính **trong ngày 25/6/2025** để trình Quốc hội xem xét, biểu quyết thông qua vào **ngày 27/6/2025**.

(Bộ Tài chính gửi kèm dự thảo Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến gửi Quốc hội và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đã được tiếp thu, hoàn thiện)

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan. /w/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Lưu: VT, ĐTN (02b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2025/QH15

DỰ THẢO 31

NGHỊ QUYẾT

về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về việc thành lập, hoạt động, quản lý, giám sát và các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là *Trung tâm tài chính quốc tế*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập theo Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trung tâm tài chính quốc tế* là khu vực địa lý có ranh giới xác định do Chính phủ thành lập đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. *Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi tắt là *Thành viên*) là chủ thể được ghi nhận là Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế theo hình thức đăng ký hoặc được công nhận thành viên hoặc được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.

Các thành viên gồm:

- a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- b) Quỹ đầu tư và quản lý tài sản;
- c) Tổ chức hạ tầng thị trường;
- d) Tổ chức công nghệ tài chính và tài sản số;
- đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ;
- e) Tổ chức phi tài chính;
- g) Các chủ thể khác theo quy định của Chính phủ.

3. *Dịch vụ tài chính* là các hoạt động và dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc huy động, phân bổ và quản lý nguồn lực tài chính, do các tổ chức tài chính hoặc chủ thể khác cung cấp theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.

4. *Dịch vụ hỗ trợ* là các dịch vụ phi tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hoặc nâng cao hiệu quả cho các hoạt động tài chính và hoạt động liên quan khác tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.

5. *Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi tắt là *Cơ quan điều hành*) là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quốc tế, ban hành các văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền; tổ chức thực thi các nhiệm vụ theo Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ.

6. *Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi tắt là *Cơ quan giám sát*) là cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng giám sát hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế, có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị quyết này, các văn bản hướng dẫn và thông lệ quốc tế.

7. *Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi tắt là *Trung tâm trọng tài quốc tế*) là tổ chức trọng tài độc lập thuộc Trung tâm tài chính quốc tế cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải thương mại cho các bên liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy tắc và quy định do Trung tâm trọng tài ban hành.

8. *Nhà đầu tư chiến lược* là Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế đáp ứng tiêu chí về ngành nghề kinh doanh, năng lực tài chính, uy tín, có cam kết đầu tư lâu dài tại Trung tâm tài chính quốc tế.

9. *Chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox)* là cơ chế cho phép thử nghiệm các mô hình kinh doanh, công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế trong phạm vi và thời gian xác định, với sự giám sát đặc biệt của Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế.

10. *Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp tại Trung tâm tài chính quốc tế* tại Việt Nam, gồm: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ; phái sinh tài chính; quản lý quỹ; bảo hiểm, tái bảo hiểm; ngân hàng và ngoại hối; tài chính xanh; tín chỉ carbon; công nghệ tài chính, tài sản số và các sản phẩm, dịch vụ khác do Chính phủ quy định.

Điều 4. Mục tiêu phát triển Trung tâm tài chính quốc tế

1. Trung tâm tài chính quốc tế đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng được xây dựng trên cơ sở thống nhất về hoạt động, quản lý, giám sát; có định hướng phát triển sản phẩm riêng biệt, phát huy thế mạnh của từng Thành phố; đảm bảo sự công bằng, tương hỗ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu, nâng tầm vị thế của Việt Nam trong mạng lưới tài chính toàn cầu, gắn với động lực tăng trưởng kinh tế.

2. Thúc đẩy tài chính bền vững, khuyến khích phát triển các sản phẩm tài chính xanh và huy động nguồn lực cho các dự án chuyển đổi năng lượng và chuyển đổi xanh, đóng góp vào phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

3. Trung tâm tài chính quốc tế vận hành theo các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, kết nối với các thị trường và trung tâm tài chính lớn trên thế giới, tạo điều kiện liên kết các sàn giao dịch trong nước với quốc tế, thúc đẩy dòng vốn đầu tư và phát triển dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ.

4. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia tài chính trong nước và nước ngoài; tạo môi trường làm việc và sinh sống thuận lợi cho chuyên gia, doanh nhân quốc tế tại Trung tâm tài chính quốc tế.

5. Việc phát triển trung tâm tài chính quốc tế phải đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư, người dân trong phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an toàn tài chính, an ninh kinh tế, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Điều 5. Nguyên tắc thành lập, hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế

1. Chủ thể đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết này áp dụng trong phạm vi ranh giới hành chính của Trung tâm tài chính quốc tế được xác định tại Nghị định của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hoạt động của các Thành viên:

- a) Hoạt động hiệu quả, minh bạch, liêm chính;
- b) Chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ;
- c) Áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động của các Thành viên;

4. Hoạt động quản lý nhà nước trong Trung tâm tài chính quốc tế phải bảo đảm sự độc lập của Trung tâm tài chính quốc tế và các Thành viên.

5. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của Thành viên.

6. Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn vốn, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, khuyến khích phát triển kết cấu hạ tầng vào Trung tâm tài chính quốc tế nhằm:

a) Tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính để thúc đẩy thu hút đầu tư và tự do di chuyển nguồn vốn quốc tế giữa Trung tâm tài chính quốc tế và thế giới;

b) Phát triển thị trường chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động ngân hàng, công nghệ tài chính, tài sản số, hàng hóa, thương mại điện tử tại Việt Nam và hội nhập với thị trường quốc tế;

c) Thu hút, phát triển đổi mới sáng tạo, dịch vụ tài chính hỗ trợ các dự án xanh, bền vững tại Việt Nam; phát triển dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ theo thông lệ quốc tế;

d) Thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính và dịch vụ chuyên môn liên quan theo tiêu chuẩn quốc tế.

7. Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát được tổ chức tinh gọn, có thẩm quyền phù hợp, hiệu lực, hiệu quả; được áp dụng thủ tục hành chính đặc biệt, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân theo quy định và phù hợp thông lệ quốc tế, điều kiện Việt Nam.

Điều 6. Áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế được điều chỉnh bởi:

a) Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn;

b) Pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp các văn bản quy định tại điểm a khoản này không quy định.

2. Lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài trong giao dịch đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế:

a) Đối với giao dịch có ít nhất một bên tham gia giao dịch là cá nhân, tổ chức nước ngoài, các bên trong giao dịch được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng nước ngoài đối với giao dịch đó. Pháp luật nước ngoài không được áp dụng trong trường hợp hậu quả của việc áp dụng trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với giao dịch đó được áp dụng.

b) Đối với các giao dịch liên quan đến quyền sở hữu, quyền khác đối với bất động sản, thuê bất động sản hoặc sử dụng bất động sản làm tài sản bảo đảm, pháp luật của nước nơi có bất động sản sẽ được áp dụng

3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật:

a) Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn Nghị quyết này với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn Nghị quyết này;

b) Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn đối với Thành viên so với quy định tại Nghị quyết này thì Thành viên được áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn tại các luật, nghị quyết được ban hành sau;

c) Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

4. Quy chế hoạt động do Cơ quan điều hành của Trung tâm tài chính quốc tế ban hành theo quy định tại Nghị quyết này, quy định của Chính phủ và phù hợp với thông lệ quốc tế thì ưu tiên áp dụng trong giải quyết quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế hoạt động đó.

5. Nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và ngăn chặn các yếu tố có thể đe dọa an ninh quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế có thể đưa ra các biện pháp hạn chế đối với Thành viên Trung tâm tài chính.

6. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ được ban hành Nghị định xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh,

ng nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 7. Ngôn ngữ áp dụng tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Ngôn ngữ chính thức trong quá trình giao dịch, hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.
2. Các quy định, quy chế trong Trung tâm tài chính quốc tế được ban hành bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
3. Tài liệu thống kê, tài chính, kỹ thuật và các tài liệu khác được lưu trữ tại Trung tâm tài chính quốc tế bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.
4. Thủ tục hành chính, giao dịch giữa các Thành viên, giao dịch giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân nước ngoài và giải quyết tranh chấp được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

Chương II

THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thành lập Trung tâm tài chính quốc tế

1. Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế.
2. Nội dung thành lập Trung tâm tài chính quốc tế gồm:
 - a) Tên, mục tiêu và định hướng phát triển Trung tâm tài chính quốc tế; lộ trình và kế hoạch phát triển ở từng thành phố;
 - b) Vị trí, địa giới hành chính, diện tích Trung tâm tài chính quốc tế;
 - c) Cơ cấu tổ chức Trung tâm tài chính quốc tế;
 - d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này;
 - đ) Danh mục ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế;
 - e) Cơ chế, chính sách đặc thù đối với Trung tâm tài chính quốc tế thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ;
 - g) Các quy định khác (nếu có).

Điều 9. Cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm:
 - a) Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế có chức năng quản lý, điều hành trực tiếp mọi hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế;
 - b) Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế có chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế;
 - c) Cơ quan giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế:
 - Tòa án chuyên biệt được thành lập theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.
 - Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, được thành lập theo quy định tại Luật Trọng tài thương mại, có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận các bên tranh chấp, trừ các quan hệ thực hiện quyền lực của Nhà nước.
2. Các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này hoạt động độc lập trong việc thực hiện quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.
3. Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế được ban hành Quy chế hoạt động hoặc văn bản tương đương khác để quy định cụ thể về tổ chức và vận hành Trung tâm tài chính quốc tế. Các quy định này phải phù hợp với Hiến pháp, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, tuân thủ thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm thống nhất với các nguyên tắc, chính sách cơ bản quy định tại dự thảo Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn thi hành, có giá trị áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị quyết này.
4. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan phối hợp với Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế theo phạm vi thẩm quyền được giao.

Chương III

THÀNH VIÊN TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 10. Đăng ký, công nhận và chấm dứt tư cách thành viên

1. Đăng ký Thành viên

Các tổ chức, doanh nghiệp được đăng ký làm Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế khi đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế theo

quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Công nhận Thành viên

Hiện diện thương mại tại Trung tâm tài chính quốc tế của các chủ thể sau đây có quyền đề nghị được công nhận làm Thành viên mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký:

a) Tổ chức tài chính, quỹ đầu tư hoặc doanh nghiệp thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố tại thời điểm đăng ký, hoặc công ty mẹ trực tiếp của các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp này, trừ các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm;

b) Các tổ chức tài chính thuộc nhóm mười doanh nghiệp hàng đầu trong nước về vốn điều lệ trong từng lĩnh vực tương ứng, trừ lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

3. Nhà đầu tư phải thành lập pháp nhân để đăng ký, được công nhận là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Nhà đầu tư là ngân hàng nước ngoài, ngân hàng thương mại trong nước phải thành lập hiện diện tại Trung tâm tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết này.

5. Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán phải thành lập hiện diện thương mại dưới hình thức pháp nhân theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các tổ chức này chỉ được cung cấp dịch vụ tại Trung tâm tài chính và nước ngoài. Việc cấp phép thành lập, phạm vi hoạt động, nội dung hoạt động và các vấn đề liên quan khác của tổ chức nêu trên thực hiện theo quy định của Chính phủ.

6. Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phải thành lập hiện diện thương mại dưới hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Bộ Tài chính cấp. Việc cấp phép thành lập, phạm vi hoạt động, nội dung hoạt động và các vấn đề liên quan khác của tổ chức nêu trên thực hiện theo quy định của Chính phủ.

7. Thành viên được cấp mã số định danh riêng và được ghi nhận vào Sổ đăng ký Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế. Mã số định danh có giá trị tương đương với mã số doanh nghiệp theo Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp.

8. Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên do Cơ quan điều hành xây dựng, quản lý và vận hành, bao gồm Công thông tin đăng ký thành viên và Cơ sở

dữ liệu về thành viên, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan có liên quan để đơn giản hoá thủ tục hành chính trong Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 11. Quyền của Thành viên

1. Được thành lập công ty quản lý vốn (công ty holding) để huy động vốn từ nước ngoài và quản lý đầu tư, trừ trường hợp thành viên là ngân hàng thương mại.

2. Được huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú mà không phải thực hiện thủ tục cấp phép với cơ quan quản lý nhà nước nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ.

3. Không tính vào nợ nước ngoài của quốc gia trong điều hành, giám sát các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài đối với khoản nợ của Thành viên với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam.

4. Nhà đầu tư nước ngoài:

a) Được sở hữu toàn bộ hoặc một phần cổ phần hoặc phần vốn góp của Thành viên;

b) Được phép thành lập tổ chức kinh tế trong Trung tâm tài chính quốc tế mà không cần phải có dự án đầu tư và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án trong Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật về đầu tư. Sau khi được thành lập, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Không phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của pháp luật về đầu tư khi thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần, hoặc mua phần vốn góp của Thành viên; chỉ thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, trừ lĩnh vực ngân hàng.

5. Được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư và kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú hoặc với Thành viên khác theo giấy phép hoặc đăng ký được cấp cho Thành viên đó theo quy định tại Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn.

6. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng khi được cấp phép thành lập mới tại Trung tâm tài chính quốc tế thì Giấy phép thành lập đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên.

7. Thành viên được lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (Chuẩn mực kế toán hoặc Chuẩn mực báo cáo

tài chính) của các quốc gia: Úc, Brazil, Canada, các quốc gia thành viên liên minh châu Âu (EU), các quốc gia thành viên của khu vực kinh tế châu Âu, Hong Kong (Trung Quốc), Nhật Bản, Mexico, New Zealand, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Việt Nam. Trường hợp các chủ thể đã lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán khác với Chuẩn mực kế toán Việt Nam thì không phải lập báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam;

8. Các quyền khác theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.

Điều 12. Nghĩa vụ của Thành viên

1. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam; điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế; lập, nộp và công khai báo cáo tài chính; kiểm toán báo cáo tài chính và công bố thông tin theo thông lệ quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các chuẩn mực quốc tế về quản trị tài chính.

3. Hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam; từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế phải tuân thủ các quy định về đầu tư và pháp luật liên quan khác. Chính phủ quy định cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam và từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế; cơ chế đặc thù đối với điều kiện tiếp cận thị trường, điều kiện tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh.

4. Tuân thủ quy định của Sở Giao dịch hàng hóa về quy trình phát hành, niêm yết, giao dịch, mua lại, chuyển nhượng các công cụ tài chính khác niêm yết trên Sở giao dịch hàng hóa. Các quy tắc của Sở giao dịch hàng hoá tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về tài chính.

5. Đảm bảo điều kiện thành viên trong suốt quá trình hoạt động. Khi không đảm bảo tiêu chuẩn thành viên thì thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách Thành viên.

6. Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật dữ liệu được công bố, thừa nhận áp dụng tại Việt Nam. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế phải xây dựng hệ thống an toàn thông tin, mã hoá dữ liệu tài chính; chịu trách nhiệm báo cáo sự cố rò rỉ thông tin cho Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế trong vòng 24-48 giờ.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.

Chương IV

CÁC SÀN GIAO DỊCH VÀ NỀN TẢNG GIAO DỊCH TẠI TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 13. Thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập sàn giao dịch, nền tảng giao dịch hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế trong các lĩnh vực sau:

- a) Giao dịch hàng hóa và phái sinh hàng hóa;
- b) Giao dịch tín chỉ các-bon;
- c) Các sàn giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật;
- d) Giao dịch kim loại quý hiếm;
- đ) Giao dịch sản phẩm tài chính xanh;
- e) Sàn giao dịch chuyên biệt;
- g) Các loại hình nền tảng giao dịch mới khác theo nhu cầu phát triển.

2. Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận, xem xét và chấp thuận đề nghị thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Hướng dẫn, giám sát và quản lý hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế và quy định của pháp luật.

Điều 14. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

1. Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, minh bạch; khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

2. Việc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch phải tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về giao dịch, thanh toán, công bố thông tin và quản trị rủi ro.

3. Thành viên được phép thành lập sàn giao dịch, nền tảng giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết này có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế nội bộ về niêm yết, giao dịch, thanh toán, quản lý tài sản và thành

viên phù hợp với đặc điểm của từng loại hình giao dịch, sau khi được Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế phê duyệt.

Điều 15. Cơ chế quản lý, giám sát, chính sách ưu đãi đối với các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập theo quy định của Nghị quyết này và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên những sàn, nền tảng này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và quy định pháp luật có liên quan.

Chương V

CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ÁP DỤNG TRONG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 16. Chính sách ngoại hối

1. Việc sử dụng ngoại tệ của Thành viên thực hiện theo quy định sau:
 - a) Việc thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá đối với các hoạt động và dịch vụ giữa các Thành viên với nhau được sử dụng ngoại tệ theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn.
 - b) Việc thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá đối với các hoạt động và dịch vụ giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài được sử dụng ngoại tệ.
 - c) Việc sử dụng ngoại tệ trong các hoạt động và dịch vụ giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Thành viên được vay vốn bằng ngoại tệ từ các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên chỉ được vay vốn bằng ngoại tệ từ các Thành viên là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết này.
4. Thành viên được cho các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên vay bằng ngoại tệ. Tổ chức là bên đi vay tại khoản này có trách nhiệm tuân thủ quy định về điều kiện, đối tượng, mục đích, thủ tục đăng ký khoản vay.
5. Việc chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra

nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện bằng ngoại tệ, thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ đứng tên nhà đầu tư nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế.

6. Việc chuyển tiền giữa các Thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên.

7. Khi chuyển tiền để thực hiện hoạt động đầu tư, cho vay từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài:

a) Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không phải tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quản lý ngoại hối, nhưng phải thực hiện đầy đủ các quy định về việc mở tài khoản, chế độ báo cáo;

b) Thành viên không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối áp dụng đối với đầu tư và cho vay của Việt Nam ra nước ngoài.

8. Việc chuyển tiền của tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên để thực hiện hoạt động đầu tư vào Trung tâm tài chính quốc tế và việc chuyển tiền để thực hiện hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 17. Chính sách về hoạt động ngân hàng

1. Thành viên được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế để thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng dưới các hình thức sau:

- a) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chuẩn mực kế toán, phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, một số giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo chính sách của chủ sở hữu/ngân hàng mẹ đang áp dụng.

Trường hợp chủ sở hữu/ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản 7 Điều 11 thì ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chuẩn mực kế toán; phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước thực hiện chuẩn mực kế toán; phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Việc cấp phép thành lập, tổ chức, phạm vi, nội dung hoạt động và các vấn đề liên quan khác của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 18. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn

1. Quy định đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

a) Được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Cơ quan điều hành;

b) Được huy động vốn bằng cơ chế gọi vốn cộng đồng hoặc cơ chế chào bán riêng lẻ thông qua nền tảng huy động vốn của tổ chức được Cơ quan điều hành cấp phép theo hướng dẫn của Chính phủ. Tổ chức trong nước và nước ngoài được tham gia vào hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Được áp dụng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, bao gồm ưu đãi về thuế. Tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được áp dụng các quy định ưu đãi về thuế;

d) Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

2. Phát triển thị trường tài chính xanh:

a) Các sản phẩm tài chính được cấp chứng nhận xanh khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Cơ quan điều hành và được phát hành, giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh, nhà đầu tư sản phẩm tài chính xanh được áp dụng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, bao gồm ưu đãi về thuế;

c) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh phải tuân thủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

3. Thành viên được áp dụng quy trình, thủ tục và triển khai các giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm theo quy trình, thủ tục đơn giản.

4. Chính phủ xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm

quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM) theo các thông lệ quốc tế, tham khảo tiêu chuẩn của các Trung tâm tài chính trên thế giới.

~~5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.~~

Điều 19. Chính sách thuế tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Dự án đầu tư mới tại Trung tâm tài chính quốc tế thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo;

b) Đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính không thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào Trung tâm tài chính được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong thời gian 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo;

c) Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng nhiều điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác nhau đối với cùng một dự án đầu tư thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có lợi nhất. Trường hợp Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện dự án đầu tư mở rộng thì áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Việc xác định thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Thuế thu nhập cá nhân

a) Nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế, bao gồm người Việt Nam và người nước ngoài được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại Trung tâm tài chính quốc tế đến hết năm 2030;

b) Cá nhân có khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, quyền góp vốn vào Thành viên được miễn thuế thu nhập cá nhân đến hết năm 2030;

c) Chính phủ quy định tiêu chí, điều kiện nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao.

3. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức

thuế suất và thủ tục thuế xuất nhập khẩu ưu đãi theo các cam kết hội nhập của Việt Nam và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

4. Doanh nghiệp, cá nhân tại Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện đăng ký, kê khai, quyết toán các loại thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định thời điểm bắt đầu ưu đãi, thời gian miễn giảm thuế thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.

Điều 20. Chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động đối với chuyên gia, nhà quản lý và nhà đầu tư

1. Thị thực và cư trú cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà đầu tư

a) Cấp thị thực, thẻ tạm trú thời hạn đến 10 năm cho người nước ngoài là nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà quản lý, lao động có trình độ cao làm việc có trụ sở trong Trung tâm tài chính quốc tế (ký hiệu thị thực/ thẻ tạm trú là UD1) và thành viên gia đình đi cùng (UD2).

b) Người nước ngoài là nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý cấp cao làm việc lâu dài tại doanh nghiệp có trụ sở tại Trung tâm tài chính quốc tế được xem xét cấp thẻ thường trú theo đề nghị của Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế để cư trú lâu dài tại Việt Nam; được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thẻ thường trú so với quy định chung.

c) Chính phủ quyết định tiêu chí xác định người nước ngoài thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi nêu tại điểm a, b và cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm thẩm định.

2. Xuất nhập cảnh

a) Cơ quan quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quốc tế phối hợp với Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thiết lập cơ chế “một cửa” hỗ trợ nhanh chóng thủ tục xuất nhập cảnh cho nhà đầu tư, chuyên gia, khách hàng quốc tế đến làm việc, giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Thiết lập khu vực làm thủ tục xuất nhập cảnh ưu tiên tại các sân bay quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng cho đối tượng thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, cấp thẻ nhận diện chuyên gia Trung tâm tài chính quốc tế để sử dụng lối đi riêng, rút ngắn thời gian làm thủ tục.

3. Giấy phép lao động

Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được miễn giấy phép lao động nếu đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định của Chính phủ hoặc Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 21. Chính sách về lao động, việc làm và an sinh xã hội

1. Tuyển dụng lao động

a) Thành viên được chủ động tuyển dụng lao động, bao gồm cả lao động nước ngoài, theo nhu cầu công việc mà không bị giới hạn tỷ lệ lao động nước ngoài, không phải thực hiện thủ tục xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài và không phải thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài thực hiện theo quy trình rút gọn.

2. Tiền lương và đãi ngộ

a) Thành viên được quyết định chế độ tiền lương, thưởng và các khoản đãi ngộ khác cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng lao động;

b) Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; được phép thực hiện ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận mức lương và công việc được giao;

c) Mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan quản lý Trung tâm tài chính quốc tế được xác định theo cơ chế thị trường. Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát hướng dẫn thực hiện quy định này;

d) Cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước làm việc tại Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát được tạo điều kiện bố trí nhà ở công vụ hoặc hỗ trợ chi phí thuê nhà ở trong thời gian công tác;

đ) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng được sử dụng nguồn thu để lại, nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác để thực hiện quy định tại các điểm c, d, đ khoản này, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

3. Phát triển kỹ năng và nhân lực

a) Nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Doanh nghiệp trong Trung tâm tài chính quốc tế được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho lao động Việt Nam làm việc cho dự án đầu tư mới và mở rộng tại Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí đào tạo nhân lực trình độ đại học trở lên phục vụ nhu cầu Trung tâm tài chính quốc tế trong thời gian 04 năm tính từ năm 2026;

d) Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát xác định nhu cầu, đối tượng người lao động cần thu hút; chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; và quyết định tiêu chí cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao nhận hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nguồn nhân lực quy định tại các điểm b, c khoản này theo từng giai đoạn;

đ) Ngân sách hỗ trợ quy định tại khoản này do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng bố trí trong ngân sách địa phương.

4. An sinh xã hội cho người lao động

a) Cá nhân người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được lựa chọn tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và không phải nộp phí công đoàn tại Việt Nam;

b) Người lao động Việt Nam và người lao động nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được tham gia các chương trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Người lao động nước ngoài đã tham gia chương trình an sinh xã hội tương tự tại các quốc gia, vùng lãnh thổ ở nước ngoài được miễn một phần nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam;

c) Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân Thành phố Đà Nẵng quy định việc dành quỹ đất và ngân sách để đầu tư phát triển khu nhà ở cho người lao động (phân khu nhà ở cho chuyên gia, cho công nhân viên) gần khu vực Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm điều kiện sống thuận lợi để người lao động yên tâm làm việc lâu dài.

Điều 22. Chính sách đất đai tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Dự án đầu tư trong phạm vi Trung tâm tài chính quốc tế thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển hoặc có quy mô lớn được giao đất, cho thuê đất với thời hạn tối đa 70 năm. Đối với dự án thuộc lĩnh vực khác, thời hạn sử dụng đất tối đa là 50 năm. Khi hết thời hạn, trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng và chấp hành quy định của pháp luật đất đai, Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất theo quy định.

Việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất sạch trong ranh giới Trung tâm tài chính quốc tế để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê thực hiện dự án thuộc Danh mục ngành,

nghe ưu tiên phát triển. Trường hợp dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng tại Trung tâm tài chính quốc tế theo phương thức đối tác công tư (PPP), Nhà nước giao mặt bằng sạch để thực hiện dự án và đầu tư các công trình hạ tầng kết nối tới dự án.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với dự án trong ranh giới Trung tâm tài chính quốc tế

a) Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp quyền sử dụng đất đối với đất giao hoặc trả tiền thuê đất một lần và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay vốn đầu tư. Việc giải quyết tranh chấp về bất động sản, thế chấp này được thực hiện theo pháp luật Việt Nam;

b) Khi xử lý tài sản thế chấp, bên nhận thế chấp chỉ được thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các đối tượng được phép nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài gắn liền với quyền sử dụng đất của dự án nhà ở đó được xác định tương ứng với hình thức giao đất, cho thuê đất của dự án đầu tư xây dựng bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 23. Chính sách về xây dựng, môi trường

1. Dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế chỉ cần đăng ký công nghệ áp dụng, đăng ký môi trường; không phải thực hiện lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng.

2. Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi Cơ quan điều hành văn bản thông báo khởi công kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án.

4. Cơ quan điều hành có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án.

Điều 24. Chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát cho dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ (FinTech) và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan điều hành quy định về chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát và thực hiện dưới hình thức cho phép có thời hạn đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mà pháp luật chưa có quy định.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phép không áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục cấp phép, bảo đảm điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan quản lý và người giám sát thử nghiệm có kiểm soát, được miễn trừ trách nhiệm hành chính, kỷ luật và dân sự đối với Nhà nước nếu gây thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thử nghiệm do nguyên nhân khách quan nếu tuân thủ đúng quy trình thử nghiệm. Trường hợp gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác, bên thử nghiệm phải bồi thường theo quy định của pháp luật; được xem xét hỗ trợ một phần chi phí bồi thường từ ngân sách của Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng tùy mức độ thiệt hại và khả năng ngân sách.

4. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực FinTech hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế được hưởng các cơ chế ưu đãi như tại Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia hoặc ưu đãi cao hơn theo quy định của Chính phủ.

5. Doanh nghiệp FinTech được xem xét hỗ trợ kinh phí không hoàn lại từ ngân sách địa phương tùy thuộc điều kiện của ngân sách từng địa phương để phát triển dự án thử nghiệm có kiểm soát cho FinTech và đổi mới sáng tạo.

Điều 25. Chính sách ưu đãi theo lĩnh vực

Cơ quan điều hành được ban hành các chương trình ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy một số lĩnh vực trọng tâm sau đây:

1. Tài chính xanh.
2. Tài sản số và FinTech.
3. Thị trường hàng hóa và hàng hoá phái sinh.
4. Lĩnh vực khác theo quyết định của Chính phủ.

Điều 26. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược

1. Cơ quan điều hành ban hành quy định về tiêu chí và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

2. Nhà đầu tư chiến lược có các quyền sau:

a) Được ưu tiên lựa chọn là nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư quan trọng để phát triển hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm tài chính quốc tế. Trong trường hợp có từ 2 nhà đầu tư trở lên quan tâm cùng một dự án, nhà đầu tư chiến lược sẽ được ưu tiên;

b) Được Nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp thực hiện dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này;

c) Được tham gia đầu tư, phát triển kinh doanh, quản lý vận hành, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng các dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Được cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầu tư, dịch vụ giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư khác trong Trung tâm tài chính quốc tế và thu phí dịch vụ theo quy định;

đ) Được đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô lớn nhằm hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính quốc tế, bao gồm việc phát triển các khu phức hợp và hệ sinh thái để thu hút tổ chức tài chính, tập đoàn đa quốc gia, chuyên gia, doanh nhân quốc tế đến sinh sống làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế;

e) Được tham gia cùng cơ quan quản lý trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển Trung tâm tài chính quốc tế;

g) Được hưởng các ưu đãi đầu tư theo Nghị quyết này.

2. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo năng lực tài chính và kinh nghiệm để thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư được giao; cam kết đầu tư lâu dài và hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Trường hợp được lựa chọn làm nhà đầu tư của các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thì phải hoàn thành đầu tư trong thời hạn không quá 05 năm và không được chuyển nhượng các dự án này trong vòng 10 năm kể từ ngày được chấp thuận đầu tư, trừ trường hợp đặc biệt được Chính phủ cho phép;

c) Hỗ trợ quảng bá Trung tâm tài chính quốc tế tại các diễn đàn quốc tế; phối hợp với cơ quan quản lý để thu hút các nhà đầu tư, định chế tài chính đa quốc gia đến Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Cung cấp đầy đủ các dịch vụ cần thiết cho nhà đầu tư thứ cấp theo cam kết.

3. Cơ quan điều hành ký thỏa thuận với từng nhà đầu tư chiến lược để ghi nhận cam kết và các ưu đãi, trách nhiệm tương ứng.

4. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ đầu tư và điều kiện khác đối với nhà đầu

tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này và bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

1. Đa dạng nguồn lực đầu tư hạ tầng

a) Trung tâm tài chính quốc tế được ưu tiên vốn đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

b) Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trung tâm tài chính quốc tế;

2. Đối với vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

Trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập, hàng năm ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng tương ứng số thu nội địa phần ngân sách trung ương được hưởng theo phân cấp phát sinh trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Nhà đầu tư được phép ứng trước vốn đầu tư để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác có liên quan thuộc phạm vi ranh giới của Trung tâm tài chính quốc tế.

4. Số vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này được hoàn trả theo các phương thức như sau:

a) Được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp;

b) Được ngân sách nhà nước chi trả theo quy định.

5. Miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm trong nước chưa sản xuất được phục vụ dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin, điều hành quản lý và trung tâm dữ liệu lớn của Trung tâm tài chính quốc tế theo Danh mục do Cơ quan điều hành ban hành; hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế.

6. Cơ quan điều hành được xúc tiến, đàm phán và ký kết hợp đồng với nhà đầu tư có năng lực về phương thức thực hiện dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội Trung tâm tài chính quốc tế phù hợp với thông lệ quốc tế và trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định cho phép thực hiện hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư.

Trong một số trường hợp, được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.

7. Thủ tục đầu tư công đối với dự án hạ tầng thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

a) Các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này không phải quyết định chủ trương đầu tư, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Cho phép các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế hạ tầng phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này áp dụng thiết kế xây dựng theo trình tự 01 bước theo quy định của Luật Xây dựng;

c) Cho phép áp dụng chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Chủ đầu tư dự án được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

8. Thủ tục đầu tư theo phương thức PPP đối với dự án hạ tầng thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

a) Các dự án hạ tầng đầu tư theo phương thức PPP tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này không phải quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước thì không phải thực hiện thủ tục giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Cho phép áp dụng các loại hợp đồng, kết hợp các loại hợp đồng BOT, BOO, BTL, O&M và các loại hợp đồng khác theo quy định của pháp luật về PPP để thúc đẩy đầu tư công – quản lý tư, đầu tư tư – sử dụng công;

c) Cho phép áp dụng phương thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án hạ tầng đầu tư theo phương thức PPP của Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Được sử dụng vốn nhà nước tham gia trong dự án PPP tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án; được áp dụng cơ chế chia sẻ giảm doanh thu mà không phải thực hiện điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng; được miễn chia sẻ tăng doanh thu trong 3 năm kể từ thời điểm công trình chuyển sang giai đoạn vận hành;

đ) Nhà đầu tư PPP được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật hiện hành.

9. Cho phép áp dụng chỉ định thầu, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách.

Điều 28. Chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng thủ tục hành chính như đối với hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan.

2. Các Thành viên được phép đăng ký tờ khai, làm thủ tục hải quan, thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với tất cả các loại hàng hóa xuất, nhập khẩu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong Trung tâm tài chính quốc tế, trừ hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hoá chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chính sách ưu đãi đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa, dịch vụ trong Trung tâm tài chính quốc tế và giao dịch phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch phái sinh hàng hóa tại Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 29. Chính sách về phí, lệ phí

1. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm: phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

2. Sau khi khấu trừ chi phí hoạt động của các Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát, tất cả các khoản thu phí, lệ phí phát sinh từ việc vận hành và hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế được để lại ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 30. Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh

1. Nhà đầu tư, Thành viên và các bên liên quan được sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp theo pháp luật Việt Nam.

2. Ngoài các phương thức giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này, tranh chấp giữa các Thành viên hoặc tranh chấp giữa Thành viên với nhà đầu tư ngoài Trung tâm tài chính quốc tế về hoạt động đầu tư kinh doanh trong Trung tâm tài chính quốc tế được giải quyết tại một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Trọng tài nước ngoài;
- b) Trọng tài quốc tế;
- c) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế;
- d) Trọng tài Việt Nam;
- đ) Tòa án nước ngoài;
- e) Tòa án Việt Nam.

3. Trường hợp có thỏa thuận giữa các bên liên quan bằng văn bản, tranh chấp giữa các Thành viên hoặc tranh chấp giữa Thành viên với bên khác được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế thì Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành; quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế về việc giải quyết tranh chấp là chung thẩm, có hiệu lực thi hành.

Các bên tranh chấp có quyền thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hủy quyết định công nhận hoà giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế. Tòa án không giải quyết yêu cầu hủy phán quyết, quyết định của Hội đồng trọng tài khi các bên đã có văn bản thỏa thuận từ bỏ quyền này.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Quản lý, giám sát đối với Trung tâm tài chính quốc tế

1. Việc quản lý, giám sát tại Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện theo thông lệ quốc tế, dựa trên rủi ro.
2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 32. Trách nhiệm của Chính phủ và các bộ, ngành

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thi hành Nghị quyết này; ban hành, chỉ đạo các bộ, ngành liên quan ban hành hoặc trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết.
2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 6, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 30 Nghị quyết này.

Điều 33. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng trong phạm vi thẩm quyền được giao, có trách nhiệm thực hiện các



nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Trung tâm tài chính quốc tế trên địa bàn theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật liên quan.

Điều 34. Giám sát thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội các thành phố có Trung tâm tài chính quốc tế, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình thực thi Nghị quyết, góp ý xây dựng để hoàn thiện cơ chế chính sách cho Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.
2. Chính phủ sơ kết và báo cáo Quốc hội việc thực hiện Nghị quyết sau 05 năm thực hiện. Chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm 2034, Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết và đề xuất ban hành Luật về Trung tâm Tài chính.
3. Quy định chuyển tiếp:
 - a) Các chính sách, dự án và các đối tượng khác đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành;
 - b) Các dự án, hoạt động đã được chấp thuận và hưởng ưu đãi theo Nghị quyết này trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực, nếu chưa kết thúc vào thời điểm Nghị quyết hết hiệu lực, thì được tiếp tục hưởng các ưu đãi theo Nghị quyết này cho đến khi dự án kết thúc.
4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp 9, thông qua ngày ... tháng 6 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

Số: /BC-CP

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến ĐBQH thảo luận tại Tổ và Hội trường và ý kiến
thẩm tra dự thảo Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam**

Kính gửi: Quốc hội.

Ngày 30/5/2025, Chính phủ đã có Tờ trình số 456/TTr-CP trình Quốc hội về dự án xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (dự thảo Nghị quyết). Ngày 10/6/2025, Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội (UBKTTC) đã có Báo cáo số 507/BC-UBKTTC15 thẩm tra về dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH) thảo luận tại Tổ (ngày 11/6/2025) và Hội trường (ngày 12/6/2025), Tổng thư ký Quốc hội có Báo cáo số 5214/BC-TTKQH ngày 16/6/2025 tổng hợp ý kiến của các vị ĐBQH thảo luận tại Tổ, tại Hội trường về dự án dự thảo Nghị quyết.

Ngày 19/6/2025, Chính phủ đã có Báo cáo số 535/BC-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến ĐBQH thảo luận tại Tổ và Hội trường và ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết; theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chủ trì Phiên họp ngày 19/6/2025 có ý kiến về việc rà soát, tiếp thu, giải trình đối với dự thảo Nghị quyết.

Căn cứ Báo cáo thẩm tra của UBKTTC, ý kiến của các vị ĐBQH, và ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp ngày 19/6/2025, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Nghị quyết cụ thể như sau:

I. Về vấn đề chung**1. Về sự cần thiết và căn cứ ban hành Nghị quyết**

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Làm rõ căn cứ chính trị khi đưa ra vấn đề khác với thông báo Kết luận số 47-TB/TW đối với việc xây dựng TTTC chung đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng; (ii) Chính phủ khẩn trương xây dựng Luật về TTTC để bảo đảm tính ổn định và pháp lý trong dài hạn; (iii) Dự thảo Nghị quyết cần thể hiện đầy đủ 6 vấn đề quan trọng để bảo đảm khả năng thành công của TTTCQT, cụ thể gồm: hệ thống pháp lý và thể chế tài chính ổn định, minh bạch; cơ chế tự do hóa dòng vốn và thị trường ngoại hối phù hợp với thông lệ quốc tế; hạ tầng tài chính và công nghệ hiện đại, đạt chuẩn toàn cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế;

môi trường sống và làm việc đạt tiêu chuẩn đẳng cấp quốc tế; sự thống nhất, quyết liệt và kiên định trong điều hành của Nhà nước.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về căn cứ chính trị xây dựng TTTC tại cả Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng: Tại Thông báo số 47-TB/TW, Bộ Chính trị đã đồng ý chủ trương phát triển TTTC quốc tế toàn diện tại TP. Hồ Chí Minh và TTTC khu vực tại TP. Đà Nẵng. Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và xuất phát từ chủ trương phát triển TTTCQT một cách toàn diện, có tính chiến lược, căn cứ trên tiềm năng, lợi thế riêng của từng địa phương và yêu cầu phát triển cân đối, hài hòa vùng miền, Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị¹ về việc thành lập một TTTCQT tại Việt Nam đặt tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng, có sự phân công chức năng và định hướng rõ ràng và đã được Bộ Chính trị đồng ý².

(ii) Về đề xuất xây dựng Luật về TTTCQT: Chính phủ nhất trí cao đối với việc cần xây dựng Luật về TTTCQT để bảo đảm tính ổn định và pháp lý trong dài hạn. Tuy nhiên, việc xây dựng Luật về TTTC cần thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá tác động, và tổng kết thực tiễn triển khai do đây là vấn đề mới, phức tạp. Trong giai đoạn đầu, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội là cần thiết nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý khung; cho phép áp dụng cơ chế vượt trội một cách thí điểm và linh hoạt và rút kinh nghiệm, đánh giá đầy đủ, trước khi đề xuất xây dựng Luật TTTC chính thức.

(iii) Về 6 yếu tố then chốt bảo đảm thành công của TTTCQT: các nội dung này đã được tích hợp trong nhiều điều khoản của dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

+ Về pháp lý, thể chế tài chính ổn định, minh bạch: các chính sách được thiết kế trong dự thảo Nghị quyết đều hướng đến mục tiêu tạo cơ chế pháp lý, thể chế minh bạch, công khai và ổn định.

+ Tự do hoá dòng vốn, ngoại hối: tại Điều 18, 19 đã cho phép áp dụng chế độ ngoại hối đặc thù, mở cửa có kiểm soát, có cơ chế khai báo, giám sát rủi ro tiền tệ – tài chính.

+ Hạ tầng tài chính và công nghệ hiện đại: (i) Điều 13 quy định cho phép thành lập các sàn giao dịch tài chính chuyên biệt, các nền tảng giao dịch số, không gian fintech...; và (ii) TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng đã có sự chuẩn bị cơ sở hạ tầng đầy đủ để đảm bảo hạ tầng đạt chuẩn quốc tế.

+ Nguồn nhân lực chất lượng cao: Điều 29 cho phép tuyển dụng chuyên gia quốc tế; thiết lập cơ chế thị thực, cấp phép hành nghề linh hoạt; ưu đãi lao động chất lượng cao.

¹ Tờ trình số 28-TTr/ĐU ngày 29/4/2025 và Tờ trình số 29-TTr/ĐU ngày 24/5/2025 của Chính phủ trình Bộ Chính trị về xây dựng TTTCQT tại Việt Nam

² Văn bản số 14719-CV/VPTW ngày 6/5/2025 và số 15162-CV/VPTW ngày 02/6/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến của Bộ Chính trị

+ Môi trường sống và làm việc đẳng cấp: Điều 30, 31 quy định chính sách thuế, bảo hiểm, y tế, giáo dục, nhà ở, hạ tầng đô thị thông minh và các dịch vụ tiêu chuẩn cao cho nhà đầu tư và chuyên gia quốc tế.

+ Sự thống nhất, quyết liệt và kiên định trong điều hành: Điều 4 và Điều 32 thiết lập cơ chế phân cấp rõ ràng từ Trung ương đến địa phương; giao Chính phủ tổ chức bộ máy chuyên trách để bảo đảm tính liên tục, kiên định và nhất quán trong thực thi chính sách.

Ngoài ra, với tinh thần dự thảo Nghị quyết chỉ quy định các vấn đề chung, Chính phủ sẽ quy định cụ thể, nên khi xây dựng, ban hành các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Nghị quyết này, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu để cụ thể hoá, chi tiết hoá tối đa các nội dung nêu trên.

2. Về quan điểm, nguyên tắc ban hành Nghị quyết

Ủy ban KTTC và đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Cần bảo đảm tính hợp Hiến, thể chế hoá đúng đắn Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị; (ii) Chính sách cần đột phá, không rập khuôn; cần tận dụng lợi thế của quốc gia đi sau để chọn lựa những kinh nghiệm thành công, tránh được những thất bại, tạo thế cạnh tranh quốc tế; (iii) Cần có cơ chế quản lý nhà nước, cơ chế giám sát, kiểm tra hợp lý, một mặt thông thoáng nhưng phải bảo đảm quản lý được rủi ro, giữ vững an ninh tài chính, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; (iv) Cần đặt ra giới hạn rõ ràng, đặc biệt với các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền công dân, không thể để Chính phủ tự quy định mà không thông qua Quốc hội; (v) Sự cần thiết của Ban Chỉ đạo quốc gia để đảm bảo vận hành hiệu quả, tuần tự và kiểm soát rủi ro.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về bảo đảm tính hợp hiến, thể chế hóa đúng đắn Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị: Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng trên cơ sở bám sát các chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47-TB/TW, văn bản số 14719-CV/VPTW ngày 06/5/2025, văn bản số 15162-CV/VPTW ngày 02/6/2025 và Kết luận số 119-KL/TW và các văn bản pháp lý có liên quan, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quan điểm, định hướng lớn của Đảng về phát triển TTTCQT. Đồng thời, theo quy định tại Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, cho phép ban hành Nghị quyết của Quốc hội để thí điểm các chính sách mới khác với quy định hiện hành của luật, bảo đảm tính hợp hiến và đúng thẩm quyền.

(ii) Về yêu cầu chính sách đột phá, không rập khuôn; tận dụng lợi thế quốc gia đi sau: Dự thảo Nghị quyết xác lập các chính sách có tính chất đột phá, khác biệt, vượt trội, tiệm cận thông lệ quốc tế, được thiết kế trên nguyên tắc “chọn lọc kinh nghiệm thành công, tránh lặp lại mô hình thất bại”. Một số nội dung đặc thù thể hiện rõ định hướng này bao gồm: cơ chế lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài, sử dụng tiếng Anh trong giao dịch tài chính; chính sách Sandbox tài chính và khuyến khích thử nghiệm mô hình tài sản số, tài chính xanh; cho phép áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) song song với hệ thống chuẩn mực Việt Nam; và mở rộng quyền tự do đầu tư, huy động vốn, không yêu cầu giấy phép đối với một số hình thức góp vốn, kinh doanh trong TTTCQT.

Những chính sách này được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu sâu kinh nghiệm quốc tế (Singapore, Dubai, Thượng Hải, Thâm Quyển...), đồng thời khai thác lợi thế đặc thù của Việt Nam – đặc biệt là vị trí địa chiến lược, múi giờ chênh lệch so với 21 TTTC toàn cầu và tiềm năng phát triển dịch vụ tài chính số.

(iii) Về cơ chế quản lý nhà nước, giám sát, kiểm tra bảo đảm thông thoáng nhưng kiểm soát rủi ro: Dự thảo Nghị quyết đã thiết kế mô hình tổ chức quản lý nhà nước tại TTTCQT theo hướng tinh gọn, chuyên biệt, nhưng hiệu lực, hiệu quả, gồm: (i) Cơ quan điều hành chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp hoạt động của TTTCQT; (ii) Cơ quan giám sát thực hiện chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát rủi ro tài chính; và (iii) Cơ quan giải quyết tranh chấp là Tòa án chuyên biệt và Trung tâm trọng tài quốc tế.

Trong giai đoạn đầu, để bảo đảm vận hành an toàn, Chính phủ sẽ áp dụng mô hình giám sát đa tầng, phân quyền phối hợp giữa Cơ quan giám sát của TTTCQT với các cơ quan trung ương như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Công an... Đồng thời, lộ trình nâng cấp Cơ quan giám sát thành cơ quan độc lập, ứng dụng công nghệ giám sát pháp lý (RegTech) cũng đã được tính toán.

(iv) Về yêu cầu đặt giới hạn rõ ràng đối với các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân: Chính phủ nhất trí với nguyên tắc phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo đúng quy định của Hiến pháp năm 2013. Dự thảo Nghị quyết không mở rộng thẩm quyền của Chính phủ trong lĩnh vực này. Các cơ chế chính sách, lựa chọn ngôn ngữ, hoặc áp dụng pháp luật nước ngoài đều được giới hạn rõ về phạm vi, đối tượng và có cơ chế giám sát, không ảnh hưởng đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam.

(v) Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1718/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 về thành lập Ban Chỉ đạo về TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam; theo đó, Ban chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo định hướng và chiến lược phát triển TTTC tại Việt Nam; chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách áp dụng trong TTTC để đảm bảo tính xuyên suốt và nhất quán theo đúng định hướng của Bộ Chính trị; chỉ đạo việc thành lập và hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý, điều hành trong TTTC.

3. Đánh giá chung

3.1. Về tính đột phá

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Chính phủ báo cáo rõ hơn về những đột phá để thu hút các nhà đầu tư quốc tế vào Việt Nam, các quy định đã đủ sức nặng, sức hấp dẫn, bảo đảm tính cạnh tranh, bảo đảm sự thành công của TTTCQT; (ii) Các chính sách vượt trội phải được rà soát đồng bộ với cơ chế kiểm soát rủi ro, bảo đảm thuận lợi, thông thoáng nhưng kiểm soát.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Dự thảo Nghị quyết được xây dựng với định hướng hình thành một khung pháp lý có tính nền tảng, ổn định và đột phá, nhằm tạo lập hệ sinh thái tài chính quốc tế hội nhập sâu với chuẩn mực toàn cầu. Chính phủ đã rà soát và có báo cáo về một

số chính sách nổi bật tại dự thảo Nghị quyết với các TTTC khác trên thế giới (gửi kèm theo Tờ trình số 456/TTr-CP ngày 30/5/2025), trong đó gồm 03 nhóm: (i) các chính sách vượt trội với mặt bằng quốc tế như chính sách thuế, đất đai, hạ tầng, nhân lực, một số quy định về bảo hiểm...; (ii) các chính sách tiệm cận các thông lệ quốc tế mô hình quản lý, ngôn ngữ, xuất nhập cảnh, kế toán, lao động việc làm, fintech, sandbox, hợp tác Công-Tư (PPP)...; (iii) các chính sách đang có lộ trình, mở cửa dần, có kiểm soát như ngoại hối, giải quyết tranh chấp.

(ii) Về yêu cầu rà soát đồng bộ chính sách vượt trội với cơ chế kiểm soát rủi ro, Chính phủ nhất trí với ý kiến cần thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro đồng bộ với các chính sách ưu đãi để bảo đảm an toàn tài chính, chính trị, an ninh quốc gia. Trong đó:

- Về giám sát: Cơ quan giám sát TTTCQT chịu trách nhiệm giám sát một số hoạt động của TTTCQT; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ: Tài chính, Công Thương, Công an và các cơ quan liên quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chức năng nhiệm vụ được giao. Về dài hạn, Cơ quan giám sát TTTCQT sẽ được nâng cấp theo hướng hoạt động độc lập, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ pháp lý trong giám sát.

- Về kiểm soát hoạt động đầu tư, huy động vốn: Các hoạt động huy động vốn xuyên biên giới được miễn cấp phép nhưng vẫn chịu sự kiểm tra, giám sát thông qua chế độ báo cáo điện tử, đối chiếu dữ liệu liên thông với các cơ quan quản lý nhà nước.

- Về giới hạn áp dụng pháp luật nước ngoài: Việc cho phép áp dụng pháp luật nước ngoài chỉ thực hiện khi không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; các giao dịch liên quan đến bất động sản vẫn áp dụng luật Việt Nam.

- Về bảo đảm an ninh tài chính - xã hội: Dự thảo Nghị quyết quy định rõ TTTCQT phải vận hành theo nguyên tắc minh bạch, tuân thủ pháp luật, và đặc biệt chú trọng đến công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm và kiểm soát dòng vốn nhằm giữ vững ổn định tài chính, an ninh kinh tế và trật tự xã hội.

3.2. Về tính đầy đủ, bao quát

Ủy ban KTTC và Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Đánh giá về tính khả thi khi áp dụng các nhóm chính sách tại Dự thảo Nghị quyết thì đã đủ tiền đề để tạo lập khuôn khổ pháp lý cho hình thành và vận hành TTTC chưa; (ii) Làm rõ sự kết nối giữa thị trường tài chính hiện tại và TTTCQT để bảo đảm thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển; (iii) Rà soát các nội dung quy định Chính phủ hướng dẫn tại 1 điều khoản, thay vì quy định tại nhiều điều khoản như dự thảo Nghị quyết

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về tính khả thi của chính sách tại Dự thảo Nghị quyết:

Để xây dựng dự thảo Nghị quyết, Chính phủ đã khảo sát, lấy ý kiến chuyên sâu của hơn các định chế tài chính lớn, các tổ chức quốc tế (CityUK, WB, Viện Tony Blair, BCG...), các nhà đầu tư tổ chức và các chuyên gia trong nước và quốc tế; rà soát kỹ hệ thống pháp luật hiện hành, lựa chọn các chính sách ưu đãi có cơ

sở thực tiễn, bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, tuân thủ các cam kết quốc tế và được điều tiết thông qua cơ chế giám sát, kiểm tra chặt chẽ; áp dụng lộ trình thực hiện có kiểm soát: một số chính sách (như ngoại hối, tài sản số, fintech, nhân lực quốc tế...) sẽ được triển khai theo phương thức từng bước, có thử nghiệm, đánh giá rủi ro và điều chỉnh phù hợp.

Trên cơ sở đó, Nghị quyết quy định những nội dung có tính nguyên tắc về tổ chức, hoạt động và chính sách đặc thù áp dụng trong TTTCQT, đã bao hàm đầy đủ các khía cạnh để hình thành và vận hành TTTCQT có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế.

(ii) Sự kết nối giữa TTTCQT với thị trường tài chính trong nước và các TTTC toàn cầu:

- Về kết nối trong nước: TTTCQT không tách rời hệ thống tài chính quốc gia, mà được xây dựng như một “cực tăng trưởng mới” có khả năng lan tỏa và thúc đẩy toàn bộ thị trường tài chính Việt Nam. Dự thảo Nghị quyết quy định rõ: hoạt động của các thành viên tại TTTC vẫn chịu sự điều phối, giám sát của các cơ quan chuyên môn trung ương như Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công Thương... theo chức năng được phân công.

- Về kết nối quốc tế: TTTCQT Việt Nam được thiết kế nhằm tích hợp vào chuỗi TTTC toàn cầu thông qua: (i) Áp dụng chuẩn mực IFRS, chuẩn mực quản trị quốc tế; (ii) Phát triển các sản phẩm giao dịch hàng hóa, tài sản số, tài chính xanh có khả năng liên kết trực tiếp với các sản phẩm quốc tế; (iii) Tạo điều kiện cho dòng vốn quốc tế dịch chuyển tự do nhưng có kiểm soát; và (iv) Phát triển dịch vụ offshore, tài chính xuyên biên giới (cross-border finance) tại Đà Nẵng.

(iii) Chính phủ tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 32 về việc Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều khoản tại Nghị quyết.

3.3. Về tính hợp lý, khả thi

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Cần nhận diện rõ điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể xây dựng thành công TTTCQT; (ii) Báo cáo về nguồn lực đầu tư cho hạ tầng và nhân lực cho TTTCQT; (iii) Cần bảo đảm các điều kiện để tổ chức vận hành TTTCQT hoạt động một cách hiệu quả, trong đó có vấn đề hạ tầng công nghệ và kết nối; (iv) Chính phủ báo cáo về lý do TTTCQT gần nhất thành lập (Astana) nhưng chưa đạt như kỳ vọng để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; lý giải tại sao trong 7, 8 năm vừa qua không có quốc gia nào thành lập tiếp các TTTCQT, chỉ có Việt Nam hiện nay đang khởi động thành lập TTTCQT, nhất là trong bối cảnh công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo có nhiều thay đổi; (v) Nên thể chế hóa TTTC thành công nhất thể giới và áp dụng trong vòng 05 năm, sau đó luật hóa lại để khả năng thành công cao hơn; (vi) Chính phủ đánh giá kỹ hơn về điều kiện đối với TTTCQT, trong đó phải có hiện diện của các tổ chức tài chính quốc tế lớn.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(1) Về điều kiện tiên quyết để Việt Nam xây dựng thành công Trung tâm tài chính quốc tế, Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị³ về điều kiện cần và điều kiện đủ để xây dựng TTTC, bao gồm:

Điều kiện cần: (i) quyết tâm chính trị mạnh mẽ ở cấp cao nhất; (ii) được sự ủng hộ, hợp tác của cộng đồng quốc tế; (iii) ổn định chính trị, kinh tế vĩ mô, thể chế và chính sách; (iv) thị trường tài chính có tiềm năng; (v) môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi; quy mô nền kinh tế phát triển; tăng trưởng kinh tế ổn định; (vi) khuôn khổ pháp lý mở, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, mang tính cạnh tranh; (vii) cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; và (viii) tính kết nối cao.

Điều kiện đủ: (i) nguồn nhân lực (trong lĩnh vực tài chính, pháp luật, tư vấn, kiểm toán...) có trình độ cao, chi phí lao động cạnh tranh; quy định về xuất nhập cảnh thông thoáng để thu hút nguồn nhân lực nước ngoài; (ii) cơ sở hạ tầng đồng bộ bao gồm hạ tầng cứng và hạ tầng mềm; cơ sở hạ tầng của các TTTC cần được đầu tư bài bản, chất lượng cao, đảm bảo kết nối với các TTTC khác trên thế giới với mục tiêu cuối cùng là tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh và môi trường sống chất lượng cao cho các định chế tài chính và các chuyên gia quốc tế đến sinh sống và làm việc tại TTTC; và (iii) hệ sinh thái tài chính phát triển có tính cạnh tranh, mức độ tự do hoá dòng tiền cao.

(2) Về nguồn lực đầu tư cho hạ tầng và nhân lực cho TTTCQT, Chính phủ xác định phát triển TTTCQT là nhiệm vụ ưu tiên nên nguồn lực sẽ được bố trí từ: (i) Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho TP.HCM và Đà Nẵng theo số thu nội địa phát sinh tại TTTCQT trong 10 năm đầu; (ii) Thu hút nguồn lực xã hội hóa, PPP và đầu tư quốc tế; và (iii) Phát triển nguồn nhân lực tài chính chất lượng cao: liên kết các trung tâm đào tạo quốc tế, hình thành các chương trình học bổng, chuyển giao công nghệ quản lý và tài chính toàn cầu.

(3) Về bảo đảm điều kiện vận hành hiệu quả, đặc biệt là hạ tầng công nghệ, Chính phủ đang triển khai kế hoạch đầu tư đồng bộ về hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, nền tảng thanh toán xuyên biên giới, bảo mật hệ thống tài chính. Đặc biệt: (i) Tại TP.HCM: sẽ triển khai trung tâm giao dịch hàng hóa – phái sinh – tài sản số, gắn với hệ sinh thái cảng biển, logistics và khu thương mại tự do (Bà Rịa - Vũng Tàu); và (ii) Tại Đà Nẵng: phát triển khu công nghệ tài chính, tài chính xanh – số, tích hợp hạ tầng thanh toán số và nền tảng dữ liệu xuyên biên giới.

(4) Về bài học từ mô hình Astana (Kazakhstan) và việc ít quốc gia thành lập TTTC trong 7-8 năm qua, Chính phủ đã nghiên cứu, trao đổi với các tổ chức, chuyên gia (trong đó bao gồm các đơn vị tham gia vào quá trình xây dựng Astana). Theo đó, đã ghi nhận một số nguyên nhân khiến mô hình này chưa đạt kỳ vọng, bao gồm: (i) Hạn chế trong cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực; (ii) Thiếu kết nối thực chất với các TTTC toàn cầu; (iii) Môi trường pháp lý chưa thực sự hấp dẫn

³ Tờ trình số 532-TTtr/BCSD ngày 04/11/2024 báo cáo Bộ Chính trị về Đề án xây dựng Trung tâm tài chính tại Việt Nam và đã được Bộ Chính trị đồng ý tại Thông báo số 47-TB/TW.

đối với nhà đầu tư phương Tây; (iv) Chính sách ngoại hối chưa mở và niềm tin vào hệ thống tư pháp còn thấp.

Đây là các bài học quan trọng để Việt Nam thiết kế khung pháp lý mở, linh hoạt, hội nhập sâu, nhưng phải có lộ trình, có kiểm soát và có cam kết chính trị mạnh mẽ. Việc ít có quốc gia mới thành lập TTTCQT trong giai đoạn 7–8 năm qua là do nhiều nguyên nhân nội tại các nước và cần phải hội tụ đầy đủ các điều kiện cần và đủ như đã nêu trên. Điều đó cho thấy những TTTC mới nếu có chiến lược khác biệt, đột phá và định vị đúng lợi thế (như Việt Nam với vị trí chiến lược, múi giờ đặc biệt, tiềm năng công nghệ và mức độ ổn định chính trị cao) thì hoàn toàn có thể vươn lên thành điểm đến mới trong hệ sinh thái tài chính toàn cầu.

(5) Về đề xuất thể chế hóa mô hình TTTC thành công nhất thể giới và luật hóa sau 5 năm, Chính phủ nhất trí và tại khoản 2 Điều 35 dự thảo Nghị quyết đã có quy định: “*Chính phủ sơ kết và báo cáo Quốc hội việc thực hiện Nghị quyết sau 05 năm thực hiện. Chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm 2034, Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết và đề xuất ban hành Luật về Trung tâm Tài chính*”. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 47-TB/TW và các thông lệ lập pháp quốc tế.

(6) Về yêu cầu hiện diện của các tổ chức tài chính quốc tế lớn trong TTTCQT, Chính phủ nhất trí và đã cụ thể hoá tại dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, để đảm bảo hiện diện thực chất, Dự thảo Nghị quyết có chính sách đề khuyến khích các định chế tài chính toàn cầu gia nhập vào TTTC tại Việt Nam như các tổ chức thuộc Fortune Global 500, các ngân hàng đầu tư quốc tế; các quỹ đầu tư, công ty quản lý tài sản lớn toàn cầu.

3.4. Về tính cụ thể

Ủy ban KTTC và đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Nghị quyết chỉ nên quy định những vấn đề chung, mang tính nguyên tắc. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thẩm quyền ban hành hướng dẫn cụ thể để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời; (ii) Phân cấp cho 2 Thành phố những nội dung gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn địa phương, bảo đảm quyền chủ động, linh hoạt; (iii) Dự thảo Nghị quyết có thủ tục về đăng ký thành viên nhưng quy định cụ thể lại chỉ có chính sách đối với nhà đầu tư, dự án đầu tư; (iv) Cần xác rõ mục tiêu; đối tượng; sản phẩm phù hợp nhu cầu, mục đích và phải có cơ chế quản lý, điều hành phù hợp.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đảm bảo bám sát quan điểm chỉ đạo Chính phủ thống nhất với quan điểm của Thông báo số 47-TB/TW của Bộ Chính trị, văn bản số 14719-CV/VPTW ngày 06/5/2025, văn bản số 15162-CV/VPTW ngày 02/6/2025, Thông báo số 1220/TB-VPQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 về việc Nghị quyết chỉ quy định nội dung mang tính nguyên tắc, khung chính sách và Chính phủ sẽ quy định nội dung chi tiết.

(ii) Về việc phân cấp cho địa phương: Dự thảo Nghị quyết đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng trong các nội dung sau: (i) Phối hợp với Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát TTTCQT; (ii) Chủ động huy động, quản lý nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, thu hút nhà đầu tư; và (iii) Được hưởng phần thu bổ sung ngân sách trung ương để tái đầu tư cho TTTCQT (Điều 14). Như vậy, chính quyền địa phương được phân quyền mạnh mẽ, nhưng trong khuôn khổ pháp lý chung, bảo đảm tính chủ động, sáng tạo song song với sự thống nhất toàn quốc.

(iii) Dự thảo Nghị quyết đã quy định khái niệm thành viên TTTC; việc đăng ký và công nhận thành viên; quyền và nghĩa vụ của thành viên (các Điều 10, 11 và 12) cũng như các chính sách áp dụng trong TTTC đối với các thành viên (Chương IV và Chương V). Các nội dung cụ thể sẽ được hướng dẫn tại Nghị định để đảm bảo thực thi minh bạch, thuận tiện, hiệu quả.

(iv) Dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ mục tiêu (Điều 4); thành viên TTTC (khoản 2 Điều 3) và sản phẩm của TTTC (khoản 10 Điều 3). Chính phủ xác định rõ đây là hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, tiệm cận thông lệ quốc tế, nhưng sẽ có cơ chế giám sát, cấp phép và điều chỉnh lộ trình phù hợp để kiểm soát rủi ro.

3.5. Về lộ trình áp dụng

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Bổ sung quy định chậm nhất đến ngày 30/03/2034 Chính phủ phải trình Quốc hội dự án Luật TTTCQT, điều này tránh kéo dài cơ chế đặc thù vô thời hạn làm xung đột hệ thống luật hiện hành; (ii) Thực hiện lộ trình với tinh thần mở cửa nhưng có kiểm soát, những vấn đề đã rõ thì sẽ làm và mở dần dần.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: Chính phủ nhất trí với đề xuất của đại biểu Quốc hội về việc cần xác định rõ mốc thời gian cụ thể để xây dựng Luật về TTTC, tránh kéo dài cơ chế đặc thù và bảo đảm tính ổn định trong hệ thống pháp luật. Tại khoản 2 Điều 35 dự thảo Nghị quyết đã quy định: “Chính phủ sơ kết và báo cáo Quốc hội việc thực hiện Nghị quyết sau 05 năm thực hiện. Chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm 2034, Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết và đề xuất ban hành Luật về Trung tâm Tài chính”

3.6. Về tổ chức, bộ máy cơ quan quản lý TTTCQT

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Làm rõ mô hình, mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với cơ quan quản lý TTTC tại 02 thành phố; (ii) Vai trò của cơ quan giám sát trong quá trình vận hành TTTC, mối quan hệ giữa cơ quan giám sát của 2 thành phố với cơ quan Bộ, ngành trung ương; (iii) Làm rõ sự chuẩn bị các hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực cho TTTC; (iv) Làm rõ TTTCQT là loại pháp nhân gì, là một cơ quan nhà nước hay là một doanh nghiệp nhà nước?

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về cơ cấu tổ chức, trên cơ sở Kết luận của Bộ Chính trị, ý kiến đề xuất, góp ý của một số cơ quan, để hệ thống cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội dành riêng cho TTTCQT được thực thi một cách đồng bộ, thông suốt, hiệu quả, dự thảo

Nghị quyết quy định cơ quan, tổ chức thuộc TTTCQT bao gồm: Cơ quan điều hành chịu trách nhiệm quản lý, điều hành trực tiếp mọi hoạt động tại TTTCQT; Cơ quan giám sát thực hiện chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại TTTCQT; Cơ quan giải quyết tranh chấp tại TTTCQT là Tòa án chuyên biệt được thành lập theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTCQT được thành lập theo quy định tại Luật Trọng tài thương mại.

Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã nêu rõ TTTCQT là khu vực địa lý có ranh giới xác định do Chính phủ thành lập đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng. Theo đó, tại dự thảo Nghị quyết đã quy định về nguyên tắc thành lập, hoạt động cũng như chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan trong TTTCQT và giao Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức, biên chế và cơ chế vận hành trong TTTCQT theo đúng Thông báo số 47-TB/TW và Kết luận số 119-KL/TW đã nêu trên.

Cơ quan quản lý nhà nước đối với 02 địa điểm đã được quy định tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị quyết, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan tổ chức thuộc TTTCQT sẽ được làm rõ trong Nghị định của Chính phủ về thành lập TTTCQT. Về cơ bản, các cơ quan này sẽ hoạt động độc lập trong phạm vi quyền hạn được giao để phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và khả năng xử lý linh hoạt trong hoạt động của TTTCQT, để mang lại hiệu quả tổng thể và nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát bảo đảm tính cạnh tranh lành mạnh. Ban Chỉ đạo TTTCQT do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban sẽ phụ trách chỉ đạo định hướng và chiến lược phát triển của TTTCQT, điều phối hoạt động của các cơ quan quản lý trong TTTCQT, cho chủ trương đối với các ý kiến khác nhau giữa cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan quản lý, điều hành TTTCQT.

(ii) Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc giám sát TTTC là một vấn đề rất phức tạp, nhạy cảm, có liên quan tới nhiều lĩnh vực, đối tượng khác nhau, tác động tới ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn, an ninh tài chính tiền tệ quốc gia. Việc tổ chức, giám sát tại TTTCQT được thực hiện theo thông lệ quốc tế và dựa trên rủi ro.

Trong khi mới thành lập, Cơ quan giám sát TTTCQT chưa thể đáp ứng ngay được yêu cầu nghiệp vụ về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý sự cố trên tất cả các lĩnh vực của TTTCQT. Do đó, trong giai đoạn đầu thì Cơ quan giám sát TTTCQT chịu trách nhiệm giám sát một số hoạt động của TTTCQT; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ: Tài chính, Công Thương, Công an và các cơ quan liên quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chức năng nhiệm vụ được giao. Chính phủ sẽ quy định hướng dẫn cụ thể bảo đảm không chồng chéo, giảm thủ tục hành chính, hiệu lực, hiệu quả, giám sát và quản lý được các rủi ro.

Về dài hạn, cần tập trung nâng cấp năng lực giám sát của Cơ quan giám sát TTTCQT theo hướng hoạt động độc lập, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ pháp lý trong giám sát. Căn cứ thực tế triển khai, Chính phủ sẽ phân cấp việc thực

hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát cho Cơ quan giám sát TTTCQT và các thiết chế kiểm tra, giám sát hiện có.

(iii) Về chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật và nguồn nhân lực:

Bên cạnh việc xây dựng cơ chế, chính sách cho TTTCQT thì việc chuẩn bị nguồn lực về cơ sở hạ tầng, nhân lực của Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng là yếu tố then chốt đem lại thành công của TTTCQT tại Việt Nam. Kinh nghiệm quốc tế và các chuyên gia đều lưu ý TTTCQT đòi hỏi đội ngũ quản lý, chuyên gia tài chính trình độ quốc tế, thành thạo ngoại ngữ và nghiệp vụ toàn cầu.

Nghị quyết 259/NQ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về kế hoạch hành động triển khai thực hiện Thông báo số 47-TB/TW ngày 15/11/2024 của Bộ Chính trị đã giao UBND thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng và nguồn nhân lực vận hành TTTCQT. Theo đó, các địa phương đã tập trung chuẩn bị công việc để xây dựng, phát triển và vận hành TTTC như:

- Bố trí nguồn nhân lực: xây dựng các chương trình đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao, đội ngũ quản lý cho TTTC; làm việc với các TTTC lớn trên thế giới để gửi nhân sự của Thành phố đi đào tạo tại các TTTC đó.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, hạ tầng để xây dựng và phát triển TTTC

Thành phố Hồ Chí Minh: tổng diện tích khoảng 687 ha, tại khu vực Quận 1 (khoảng 123 ha) và Khu Thủ Thiêm (khoảng 564 ha);

Thành phố Đà Nẵng: bố trí các khu đất sạch khu vực gần biển với diện tích gần 18 ha, chuyển đổi khu công nghiệp Đà Nẵng với diện tích 62 ha để trở thành khu phố tài chính và sẽ bố trí khoảng 350 ha trong tổng số 1.500 ha diện tích khu vực lân cận tại vịnh Đà Nẵng (tổng diện tích là 430 ha).

- Xúc tiến đầu tư, tiếp xúc các nhà đầu tư chiến lược, tiềm năng;
- Xây dựng các chính sách ưu đãi thuộc thẩm quyền thành phố;...

(iv) Trung tâm tài chính quốc tế là khu vực địa lý có ranh giới xác định do Chính phủ thành lập đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này. Do vậy, TTTC không phải là một pháp nhân.

3.7. Về mối quan hệ với các văn bản hiện hành

Đại biểu Quốc hội đề nghị: Chính phủ cần quan tâm đánh giá những luật liên quan tới hoạt động của thị trường tài chính, điều chỉnh chính sách một cách kịp thời để thu hút đầu tư vào thị trường tài chính, ví dụ như: Luật Chứng khoán, Luật về Quỹ Đầu tư mạo hiểm, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất nhập khẩu...

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: nhất trí và trong quá trình xây dựng, triển khai TTTCQT tại 02 thành phố sẽ có những đánh giá, điều chỉnh phù hợp.

3.8. Về phạm vi áp dụng và nguyên tắc áp dụng pháp luật

Ủy ban KTTC và đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) cần cho phép áp dụng linh hoạt pháp luật quốc tế, nhất là trong lĩnh vực tài chính, dân sự, thương mại, mà không ảnh hưởng đến các lĩnh vực thuộc chủ quyền quốc gia như an ninh, quốc phòng; (ii) cần nhắc quy định tại khoản 6 Điều 6 “*Chính phủ ban hành các chính sách quy định khác với luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, báo cáo cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội*”, rà soát kỹ để bảo đảm tính hợp hiến, tránh tiền lệ mở rộng thẩm quyền của Chính phủ.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Chính phủ nhất trí với quan điểm việc áp dụng linh hoạt pháp luật nước ngoài là cần thiết để tạo tính cạnh tranh cho TTTCQT. Khoản 2 Điều 6 quy định: Đối với giao dịch có ít nhất một bên tham gia giao dịch là cá nhân, tổ chức nước ngoài, các bên trong giao dịch được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng nước ngoài đối với giao dịch đó. Pháp luật nước ngoài không được áp dụng trong trường hợp hậu quả của việc áp dụng trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

(ii) Tại Kết luận số 47-TB/TW, Bộ Chính trị yêu cầu Nghị quyết quy định khung, có tính nguyên tắc và giao Chính phủ ban hành văn bản phù hợp hướng dẫn chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể, phát sinh. Thực tế triển khai sẽ có những vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Để bảo đảm sự linh hoạt, kịp thời, cần thiết có quy định: “Cho phép Chính phủ được ban hành Nghị định xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”.

Đây không phải là tiền lệ mở rộng thẩm quyền của Chính phủ, mà chính sách này đã được Quốc Hội cho phép thực hiện tại khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ 2025; tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Theo đó, cho phép: “Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, ban hành văn bản giải quyết hoặc ủy quyền ban hành văn bản giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Quốc hội khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”.

3.9. Về thẩm quyền thành lập TTTCQT tại Việt Nam

Đại biểu Quốc hội đề nghị: Quốc hội chỉ ban hành Nghị quyết về chủ trương thành lập, Thủ tướng ban hành quyết định thành lập TTTCQT; cần rà soát thêm các nội dung thuộc thẩm quyền Quốc hội, nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ tại dự thảo Nghị quyết.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: Việc thành lập TTTCQT tại Việt Nam là một chủ trương lớn, có tính chiến lược lâu dài và tác động sâu rộng đến thể chế, chính sách phát triển kinh tế – xã hội. Do đó, việc Quốc hội ban hành Nghị quyết thể hiện rõ chủ trương, nguyên tắc, định hướng và các cơ chế đặc thù vượt luật hiện hành là phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội theo quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội. Trên cơ sở đó, Chính phủ và Thủ tướng

Chính phủ sẽ triển khai cụ thể hóa chủ trương của Quốc hội thông qua: (i) Quyết định thành lập cơ quan điều hành và bộ máy tổ chức quản lý TTTCQT; (ii) Ban hành các nghị định, quyết định, thông tư hướng dẫn để triển khai các cơ chế đặc thù; (iii) Phân cấp, ủy quyền phù hợp cho chính quyền TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng quản lý trực tiếp các hoạt động tại TTTCQT. Các nội dung nêu trên là phù hợp với thẩm quyền ban hành, nội dung các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương II Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.10. Về việc thành lập 1 TTTC đặt tại 2 thành phố

Ủy ban KTTC và đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Làm rõ mô hình và sự cần thiết của việc xây dựng TTTC tại 02 Thành phố thay vì tập trung vào 01 địa điểm là TP. Hồ Chí Minh; (ii) Định vị phát triển TTTC tại 02 Thành phố để tránh chồng chéo, cạnh tranh nhau; (iii) Chính phủ cung cấp kinh nghiệm quốc tế về một quốc gia có 02 TTTC.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Tại Thông báo 47-TB/TW, Bộ Chính trị đã đồng ý với chủ trương thành lập TTTC quốc tế toàn diện tại TP Hồ Chí Minh và TTTC khu vực tại TP Đà Nẵng. Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và xuất phát từ chủ trương phát triển TTTCQT một cách toàn diện, có tính chiến lược, căn cứ trên tiềm năng, lợi thế riêng của từng địa phương và yêu cầu phát triển cân đối, hài hòa vùng miền, Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị về việc thành lập một TTTCQT tại Việt Nam đặt tại 02 địa điểm TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng, có sự phân công chức năng và định hướng rõ ràng và đã được Bộ Chính trị đồng ý. Mô hình này sẽ có sự tương trợ lẫn nhau (trong đó một trung tâm phát triển toàn diện, một trung tâm có nhiều hoạt động thử nghiệm), hạn chế rủi ro cho nền kinh tế trong trường hợp có vấn đề xảy ra ở một Trung tâm.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và các nhà đầu tư lớn cho thấy một TTTCQT thành công không chỉ là một nơi làm việc mà còn là một nơi để sống, mang lại một môi trường kết nối mạnh mẽ, trung tâm của đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, bằng cách phân phối các cơ hội trên cả Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, Việt Nam có thể tránh thêm áp lực lên cơ sở hạ tầng quá tải của thành phố Hồ Chí Minh; cung cấp nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp đa dạng cho nhân tài trên cả nước và quốc tế; tận dụng hiệu quả các thế mạnh hỗ trợ của hai thành phố: hệ sinh thái tài chính đã được định hình và nền tảng nhà đầu tư quốc tế vững chắc của Thành phố Hồ Chí Minh, kết hợp với động lực đổi mới sáng tạo, công nghệ cao và hạ tầng số đang phát triển mạnh mẽ của Đà Nẵng, tận dụng thế mạnh của thành phố Đà Nẵng trong vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số để cung cấp cho thành phố Hồ Chí Minh các giải pháp tiên tiến và thử nghiệm các ý tưởng sáng tạo mà chưa sẵn sàng áp dụng ngay tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như Việt Nam.

Mô hình hoạt động của TTTC tại 02 Thành phố sẽ được quy định chi tiết trong Nghị định của Chính phủ về thành lập TTTCQT

(ii) Định vị phát triển TTTC tại TP Hồ Chí Minh và TP Đà Nẵng cụ thể như sau:

- TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất cả nước, đã hình thành hệ sinh thái tài chính phong phú, có hệ thống ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phát triển, thu hút nhiều tổ chức, định chế tài chính quốc tế. Theo đó, địa điểm TTTCQT tại TP. Hồ Chí Minh dự kiến sẽ: (i) phát triển thị trường vốn; (ii) phát triển hệ thống ngân hàng, sản phẩm thị trường tiền tệ; (iii) phát triển cơ chế thử nghiệm (sandbox) về Fintech, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tài chính; (iv) thành lập các sàn giao dịch chuyên biệt, nền tảng giao dịch mới; (v) phát triển thị trường hàng hóa, xây dựng Sàn giao dịch hàng hóa, hàng hóa phái sinh, kết nối với các thị trường hàng hóa vật chất ở trong nước và quốc tế; (vi) phát triển các dịch vụ chuỗi cung ứng khu vực, trung tâm logistic, vận tải cảng biển, gắn với Khu thương mại tự do tại Bà Rịa - Vũng Tàu...

- Đà Nẵng có lợi thế về vị trí địa lý trung tâm miền Trung, là cửa ngõ ra biển của các hành lang kinh tế Đông - Tây, đồng thời là nơi có điều kiện thuận lợi để thử nghiệm các mô hình mới như tài chính bền vững, tài chính xanh và ứng dụng công nghệ tài chính, dịch vụ số. Theo đó, địa điểm TTTCQT tại TP. Đà Nẵng sẽ phát triển: (i) tài chính xanh, tài chính thương mại phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, các tổ chức và cá nhân không cư trú (dịch vụ tài chính offshore), các hoạt động thương mại xuyên biên giới gắn với Khu thương mại tự do, các khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu công nghiệp...; (ii) thử nghiệm có kiểm soát một số mô hình mới như tài sản số, tiền số, thanh toán, chuyên tiền kỹ thuật số; (iii) thu hút các quỹ đầu tư, quỹ kiều hối, công ty quản lý quỹ vừa và nhỏ; (iv) thúc đẩy phát triển các startup cung cấp giải pháp tài chính phục vụ tiêu dùng, du lịch, thương mại, logistics;...

(iii) Kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số quốc gia đã áp dụng mô hình TTTC nhiều địa điểm nhằm tận dụng tối đa tiềm năng địa phương, phân tán rủi ro hệ thống và tạo động lực phát triển vùng. Một số ví dụ tiêu biểu bao gồm:

- Trung Quốc phát triển TTTC tại Thượng Hải và Thâm Quyển. Hai trung tâm này được phân vai rõ ràng, có sự điều phối từ trung ương (Chính phủ và Ngân hàng Trung ương Trung Quốc), giúp tránh cạnh tranh trực tiếp, cụ thể: Thượng Hải là trung tâm tài chính tổng hợp mang tầm toàn cầu, với thế mạnh về thị trường vốn, ngân hàng quốc tế, sàn giao dịch hàng hóa. Thâm Quyển phát triển theo hướng đổi mới sáng tạo, fintech và tài chính số, với mô hình “sandbox” chính sách linh hoạt.

- Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) phát triển TTTC tại Dubai và Abu Dhabi. Cả hai trung tâm đều có khu tài chính riêng biệt (DIFC và ADGM), với khung pháp lý đặc thù theo hệ thống thông luật, nhưng vẫn nằm trong chiến lược tổng thể của quốc gia, cụ thể: Dubai tập trung vào thị trường vốn, tài chính thương mại và đầu tư quốc tế, là “cửa ngõ” của khu vực Trung Đông. Abu Dhabi tập trung vào quản lý tài sản, quỹ đầu tư quốc gia (sovereign wealth funds) và các sáng kiến tài chính bền vững.

- Hoa Kỳ phát triển TTTC tại New York và Chicago. Mỗi địa điểm được phát triển dựa trên lợi thế chuyên biệt, cùng thúc đẩy năng lực cạnh tranh tổng thể

của Hoa Kỳ trong lĩnh vực tài chính, cụ thể: New York là trung tâm tài chính toàn cầu, có sàn giao dịch chứng khoán lớn nhất thế giới (NYSE, Nasdaq) với hệ sinh thái dịch vụ tài chính phát triển. Chicago là trung tâm hàng đầu về giao dịch phái sinh, hàng hóa và quản lý rủi ro (CME Group) dựa trên lợi thế lịch sử là cửa ngõ hàng hóa của Hoa Kỳ.

Trong thập kỷ qua, các quốc gia thành công nhất phát triển TTTCQT theo mô hình hệ sinh thái đa trung tâm, với các thành phố khác nhau đảm nhận những vai trò chuyên biệt, bổ trợ cho nhau, dựa trên lợi thế so sánh riêng biệt. Mục tiêu chung của xu thế này là để tận dụng lợi thế chuyên môn hóa, cho phép sự linh hoạt và khả năng điều chỉnh lớn hơn trước những xu hướng kinh tế toàn cầu đang thay đổi, phân bổ hợp lý cơ hội kinh tế và tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo. Do đó, Chính phủ đề nghị thành lập một TTTC đặt tại hai Thành phố trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh và sự khác biệt để phát triển.

II. Về những nội dung cụ thể tại dự thảo Nghị quyết

1. Về những quy định chung

1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: Làm rõ phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng của Nghị quyết để chính sách mang tính bao trùm, không giới hạn trong địa giới TTTC. Cần mở rộng phạm vi áp dụng theo hướng TTTCQT có nhiều thành viên là tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp, quỹ đầu tư, sàn giao dịch... Các thành viên này có thể hoạt động ngoài ranh giới, thậm chí ở nước ngoài, nhưng có hiện diện tại TTTCQT. TTTC là một khu vực có ranh giới địa lý (TP.HCM, Đà Nẵng), nhưng thành viên có thể đặt trụ sở ở ngoài trung tâm; đầu tư của họ có thể ở bất kỳ đâu trên lãnh thổ Việt Nam.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

- Theo dự thảo Nghị quyết, phạm vi điều chỉnh: về việc thành lập, hoạt động, quản lý, giám sát và các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Đối tượng áp dụng: các nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập theo Nghị quyết này. Đối với việc đăng ký thành viên TTTC cũng như chính sách áp dụng cho thành viên TTTC được quy định cụ thể tại các điều khoản trong Nghị quyết.

- Do TTTC là nội dung mới, khó, Việt Nam chưa có kinh nghiệm; nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng Nghị quyết là phải có chính sách đặc thù, vượt trội; nhưng phải đi kèm với cơ chế kiểm soát rủi ro; đảm bảo an toàn hệ thống. Do vậy, phạm vi điều chỉnh tại dự thảo Nghị quyết là áp dụng đối với Thành viên và các cá nhân, chủ thể hoạt động có liên quan trong phạm vi của TTTC. Trong quá trình vận hành và phát triển TTTC, Chính phủ sẽ tổng kết quá trình thực hiện, và sẽ có kiến nghị về mở rộng phạm vi điều chỉnh nếu điều kiện cho phép. Việc quy định phạm vi điều chỉnh có lộ trình như vậy là phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn của Việt Nam.

1.2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Đề nghị bổ sung nội dung “phái sinh tài chính” và “phái sinh hàng hóa” để giải thích từ ngữ; bổ sung, thể hiện đầy đủ những sản phẩm tài chính trong khái niệm về TTTCQT; (ii) Bổ sung “Sở Giao dịch hàng hóa” vào danh mục thành viên TTTC; (iii) Điều chỉnh cụm từ “chính sách thử nghiệm có kiểm soát” thành “chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát”; (iv) Giao Chính phủ bổ sung danh mục, các danh sách về những sản phẩm tài chính được hoạt động ở trong thị trường tài chính vào từng thời kỳ và sửa đoạn “giao dịch vụ khác cho Chính phủ quyết định” thành “các dịch vụ tài chính khác do Chính phủ bổ sung vào từng thời kỳ” (Khoản 10).

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Dự thảo Nghị quyết nêu các khái niệm bao quát về các sản phẩm tài chính trong TTTCQT để đảm bảo sự linh hoạt, tạo cơ sở pháp lý cho các sản phẩm tài chính mới. Các khái niệm cụ thể (bao gồm cả “phái sinh tài chính” và “phái sinh hàng hóa”) sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn để đảm bảo tính linh hoạt, chủ động về chính sách; (ii) Dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ các thành viên TTTCQT bao gồm các tổ chức hạ tầng thị trường, trong đó bao gồm các Sở Giao dịch hàng hóa; (iii) Tiếp thu ý kiến đại biểu, dự thảo Nghị quyết đã chỉnh sửa cụm từ “chính sách thử nghiệm có kiểm soát” thành “chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát” tại khoản 9 để đảm bảo chính xác phạm vi nội dung điều chỉnh, phù hợp với tính chất đặc thù của TTTCQT; (iv) Quy định tại dự thảo Nghị quyết đã giao Chính phủ quy định chi tiết; các sản phẩm sẽ được Chính phủ bổ sung tại các Nghị định và văn bản hướng dẫn theo nhu cầu.

1.3. Về mục tiêu phát triển TTTCQT (Điều 4)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Làm rõ, cụ thể mục tiêu của TTTC nhằm huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển và hướng tới một TTTC toàn cầu; bổ

sung các chỉ tiêu định lượng cụ thể, căn cứ cho hoạch định chính sách và giám sát thực thi; **(ii)** Cả hai thành phố này đều có các Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù, và thêm đặc thù của TTTCQT, cần đánh giá cấp độ của các cơ chế đặc thù để có thể thực hiện hiệu quả nhất;

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Điều 4 dự thảo Nghị quyết đã quy định cụ thể về mục tiêu của TTTCQT. Các tiêu chí định lượng về mục tiêu thu hút theo số vốn, số người đào tạo,... đã được quy định tại Đề án trình Bộ Chính trị. Tại dự thảo Nghị quyết là các quy phạm nên không thể hiện mục tiêu định lượng cụ thể.

(ii) Việt Nam xác lập chủ trương xây dựng TTTC muộn hơn các nước, phải cạnh tranh với các TTTC lâu đời cũng như mới nổi trong khu vực. Nếu các cơ chế, chính sách đưa ra không đủ vượt trội, không tạo lợi thế khác biệt, TTTCQT Việt Nam sẽ khó cạnh tranh thu hút dòng vốn quốc tế. Ngoài ra, TTTCQT không chỉ đơn thuần là một khu vực kinh tế mà là một hệ sinh thái phức tạp đòi hỏi các quy định chuyên biệt về tài chính để hoạt động hiệu quả và cạnh tranh với các TTTC thế giới. Vì vậy, việc thêm các chính sách đặc thù để phát triển TTTCQT là cần thiết. Các đề xuất chính sách ưu đãi được quy định tại dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo tính đặc thù, vượt trội, không chồng chéo với các quy định tại Nghị quyết 98/2023/QH15 và Nghị quyết 136/2024/QH15; đồng thời, các nội dung cụ thể và cơ chế giám sát, quản lý rủi ro sẽ được Chính phủ quy định cụ thể tại các Nghị định hướng dẫn

1.4. Về nguyên tắc thành lập, hoạt động của TTTCQT (Điều 5)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: **(i)** làm rõ phạm vi áp dụng của các cơ chế đặc thù vì hoạt động của các thành viên TTTC không chỉ giới hạn trong ranh giới địa lý của TTTCQT; **(ii)** 03 nguyên tắc hoạt động của thành viên chưa rõ trách nhiệm của thành viên với khách hàng hay an ninh tài chính; cần xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử để làm rõ các nội hàm của khái niệm về hiệu quả minh bạch (khoản 3).

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: **(i)** Điều 5 của dự thảo Nghị quyết quy định “Chủ thể đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị quyết này và văn bản hướng dẫn được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù”. Theo đó, các chính sách đặc thù trong Nghị quyết áp dụng đối với các chủ thể, thành viên TTTCQT theo quy định tại dự thảo Nghị quyết; **(ii)** Nguyên tắc hoạt động của thành viên TTTC được quy định tại khoản 3 Điều 5, gồm: Hoạt động hiệu quả, minh bạch, liêm chính; Chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ; Áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động của các Thành viên. Đây là các nguyên tắc cơ bản để đảm bảo thành viên TTTC hoạt động một cách hiệu quả, lành mạnh, theo chuẩn mực quốc tế.

1.5. Về áp dụng pháp luật tại TTTCQT (Điều 6)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: **(i)** Cần nhắc quy định tại khoản 6 Điều 6 cho phép Chính phủ được ban hành các Nghị định trái với luật, trái với Nghị quyết của Quốc hội để giải quyết các công việc phát sinh và báo cáo cho Quốc hội, Ủy

ban Quốc hội trong kỳ họp gần nhất; **(ii)** Quy định rõ thời hạn áp dụng luật nước ngoài trong các giao dịch đầu tư kinh doanh tại TTTC, có thể quy định trong một thời hạn nhất định khoảng 2-3 năm; **(iii)** Khái niệm "mối liên hệ gắn bó nhất" là trừu tượng, gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng; **(iv)** Quy định pháp luật nước ngoài không được áp dụng trong trường hợp hậu quả của việc áp dụng trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam sẽ khó để thực hiện trong thực tiễn (điểm a khoản 2).

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về việc quy định tại khoản 6 Điều 6: việc xây dựng TTTCQT tại Việt Nam là vấn đề mới, chưa có tiền lệ. Do vậy, việc quy định cho phép Chính phủ được ban hành quy định khác với luật, Nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cần thiết để xử lý linh hoạt, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực tế. Đồng thời, chính sách này đã được Quốc Hội cho phép thực hiện tại khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ 2025; tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15.

(ii) Việc áp dụng pháp luật nước ngoài trong TTTCQT theo thỏa thuận giữa các bên là yếu tố quan trọng, phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo niềm tin và sự linh hoạt cho nhà đầu tư. Theo đó, TTTC là mô hình đặc thù, mang tính lâu dài, hướng tới cạnh tranh toàn cầu về dịch vụ tài chính, thu hút nhà đầu tư quốc tế có tiêu chuẩn pháp lý cao; nếu chỉ cho phép áp dụng luật nước ngoài trong 2-3 năm, nhà đầu tư sẽ coi đó là tạm thời, rủi ro, không đủ tạo dựng lòng tin để đưa các hoạt động tài chính quy mô lớn vào Việt Nam. Điều này làm suy giảm mức độ hấp dẫn và cạnh tranh của TTTC so với các TTTC đã thành công như Dubai, Singapore, Hong Kong – những nơi áp dụng linh hoạt luật nước ngoài lâu dài. Do đó, Chính phủ đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết và không quy định thời hạn áp dụng pháp luật nước ngoài.

(iii) Khái niệm “mối quan hệ gắn bó nhất” là thuật ngữ được sử dụng tại Bộ luật Dân sự;

(iv) Quy định tại khoản 2 Điều 6 về việc pháp luật nước ngoài không được áp dụng trong trường hợp hậu quả của việc áp dụng trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là cần thiết để bảo vệ chủ quyền pháp lý, duy trì trật tự công, đảm bảo an toàn pháp lý và cân bằng lợi ích trong quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt trong điều kiện mở cửa như tại TTTC.. Đây là nguyên tắc phổ biến trong tư pháp quốc tế, theo đó, mọi quốc gia đều có quyền từ chối áp dụng luật nước ngoài nếu hậu quả của việc áp dụng đó trái với các giá trị cốt lõi trong hệ thống pháp luật quốc gia. Nếu không có cơ chế loại trừ này, việc áp dụng pháp luật nước ngoài có thể dẫn đến kết quả trái với lợi ích công cộng hoặc làm phương hại đến trật tự pháp lý của Việt Nam. Nguyên tắc này đóng vai trò “hàng rào bảo vệ” để đảm bảo các quy định ngoại luật (tức luật nước ngoài) không làm phá vỡ sự thống nhất của hệ thống pháp luật quốc gia.

1.6. Về ngôn ngữ áp dụng tại TTTCQT (Điều 7)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: Đề nghị ngôn ngữ chính thức trong TTTCQT là Tiếng Việt và Tiếng Anh để đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và văn hóa Việt Nam (khoản 1).

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Việc sử dụng Tiếng Anh trong TTTCQT là phù hợp với thông lệ quốc tế và chuẩn mực của TTTC toàn cầu. Theo đó, Tiếng Anh là ngôn ngữ mặc định trong các giao dịch tài chính quốc tế, thương mại, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm và hợp đồng thương mại xuyên quốc gia. Các TTTC thành công như Singapore, Hong Kong, Dubai, London, Luxembourg đều sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong hoạt động vận hành, giao dịch, trọng tài và công bố thông tin. Việc quy định ngôn ngữ trong TTTC là tiếng Anh giúp TTTC Việt Nam hòa nhập nhanh, minh bạch và tương thích với hệ thống tài chính toàn cầu. Quy định này cũng góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư và định chế tài chính quốc tế hoạt động kinh doanh trong TTTCQT. Quy định này góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư quốc tế hoạt động kinh doanh trong TTTCQT. Điều này bao gồm việc sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, thủ tục hành chính,... Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý theo hướng quy định rõ hơn việc sử dụng tiếng Anh trong quá trình giao dịch, hoạt động trong TTTCQT.

2. Thành lập, cơ cấu tổ chức và vận hành TTTCQT (Chương II)

2.1. Về thẩm quyền quyết định thành lập TTTCQT tại Việt Nam (Điều 8)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: nên giới hạn phạm vi hoạt động của TTTCQT tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Tại Tờ trình số 29-TTr/ĐU ngày 24/5/2025, Đảng ủy Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị về định vị chiến lược của 02 địa điểm TTTCQT TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Theo đó, bên cạnh các sản phẩm truyền thống, sản phẩm tài chính mới như tài chính xanh, các sản phẩm liên quan đến công nghệ tài chính (Fintech), tài sản số... là các xu hướng tài chính mới của thế giới và đang ngày càng trở nên quan trọng và cần có lộ trình thích ứng để phù hợp với xu thế toàn cầu. Do đó, không chỉ tập trung vào các sản phẩm truyền thống mà cần đa dạng hóa để phát triển TTTC tại 2 Thành phố với định vị chiến lược dựa trên lợi thế của từng địa phương nhằm thu hút được nhiều nhà đầu tư và các tổ chức tài chính, tìm ra cơ hội khai thác các thị trường ngách với tiềm năng lớn để tạo nên một hệ sinh thái tài chính mạnh mẽ và có thể cạnh tranh với các TTTC trong khu vực và trên thế giới.

2.2. Về các cơ quan, tổ chức thuộc TTTCQT (Điều 9)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Đề nghị toàn bộ những hoạt động về kiểm tra, giám sát tại Trung tâm thì giao cho cơ quan giám sát thực hiện, còn các cơ quan bộ, ngành nhà nước thì kiểm tra thông qua cơ quan điều hành và cơ quan giám sát, không tác động trực tiếp đến các thành viên của trung tâm; (ii) Làm rõ mối quan hệ của các cơ quan thuộc TTTC với chính quyền địa phương; (iii) Sử dụng Tòa án chuyên biệt của thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng thay vì thành lập

Tòa án chuyên biệt, trong đó có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để giải quyết tranh chấp trong TTTCQT; (iv) Chưa rõ chủ thể, quy trình, thủ tục thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC; (v) Cần bổ sung, nhấn mạnh quy định về rủi ro khi vận hành TTTC và các giải pháp để đối phó với các rủi ro.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế (TTTCQT) được xác định là đầu mối chuyên trách thực hiện chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại Trung tâm. Việc tập trung quyền hạn giám sát vào một đầu mối thống nhất là định hướng phù hợp nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp từ nhiều cơ quan khác nhau, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp trong TTTCQT.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu hình thành và vận hành TTTCQT, Cơ quan giám sát chưa thể ngay lập tức đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực chuyên môn, kỹ thuật, nhân lực và công nghệ để thực hiện toàn diện các chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý rủi ro, đặc biệt là trên các lĩnh vực phức tạp như ngân hàng, chứng khoán, ngoại hối, phòng chống rửa tiền, an ninh mạng, cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng... Do đó, để bảo đảm an toàn, hiệu quả, tuân thủ pháp luật trong quá trình hoạt động ban đầu của TTTCQT, việc phối hợp giám sát giữa Cơ quan giám sát TTTCQT và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành là cần thiết và hợp lý.

Cụ thể, trong giai đoạn đầu, Cơ quan giám sát TTTCQT sẽ thực hiện nhiệm vụ giám sát một số lĩnh vực cốt lõi và từng bước mở rộng phạm vi hoạt động. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan vẫn thực hiện các chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, nhưng thông qua cơ chế phối hợp với Cơ quan giám sát TTTCQT, hạn chế tối đa việc can thiệp trực tiếp đến các thành viên trong Trung tâm, bảo đảm nguyên tắc “một đầu mối” tiếp nhận, xử lý. Chính phủ sẽ ban hành quy định chi tiết, phân công rõ ràng trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ; giảm thiểu thủ tục hành chính; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát; đáp ứng yêu cầu kiểm soát rủi ro, bảo vệ tính ổn định và minh bạch của TTTCQT.

Về lâu dài, trên cơ sở tổng kết thực tiễn triển khai, Chính phủ sẽ chỉ đạo xây dựng lộ trình nâng cao năng lực và phạm vi hoạt động của Cơ quan giám sát TTTCQT theo hướng tăng cường tính độc lập và chuyên nghiệp; ứng dụng công nghệ pháp lý (RegTech, SupTech); phân cấp, chuyên giao dần chức năng kiểm tra, giám sát từ các cơ quan hiện có về cho Cơ quan giám sát TTTCQT, tiến tới mô hình giám sát tài chính tập trung, hiện đại, đáp ứng chuẩn mực quốc tế.

Việc thiết kế cơ chế này vừa bảo đảm tính khả thi trong giai đoạn đầu, vừa bảo đảm định hướng phát triển một trung tâm tài chính quốc tế vận hành hiệu quả, minh bạch, theo thông lệ tốt của thế giới.

(ii) Mỗi quan hệ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan TTTCQT và chính quyền địa phương sẽ được quy định rõ tại Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ của các Cơ quan TTTCQT.

(iii) Tại công văn số 14719-CV/VPTW, Bộ Chính trị đã có ý kiến giao Ban thường vụ Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu thành lập Tòa án chuyên biệt thuộc Trung tâm tài chính quốc tế. Đồng thời, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã có thông báo số 1893/TB-VPQH ngày 05/6/2025 về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức tòa án nhân dân về việc thành lập Tòa án chuyên biệt tại TTTCQT. Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì thực hiện các nội dung này theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị và kết luận của UBTVQH.

(iv) Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9, Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập theo quy định tại Luật Trọng tài thương mại. Chủ thể, quy trình, thủ tục thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTCQT sẽ thực hiện theo quy định của Luật Trọng tài thương mại. Chính phủ đã dự kiến giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Nghị định về vấn đề này.

(v) Dự thảo Nghị quyết hiện quy định Trung tâm trọng tài thuộc TTTCQT do Chính phủ thành lập ở Nghị định thành lập TTTCQT. Tại Nghị định hướng dẫn về hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chính phủ sẽ quy định hoạt động của Trung tâm trọng tài là độc lập so với hoạt động của TTTCQT nói chung.

(vi) Việc xây dựng TTTCQT tại Việt Nam là quyết định đúng đắn để tăng tốc phát triển, nhưng đây là một vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ. Theo kinh nghiệm quốc tế, TTTCQT của mọi quốc gia đều phải đối mặt với các thách thức sau:

Thứ nhất, về chính sách ngoại hối: gia tăng áp lực lên nghĩa vụ nợ ngoại tệ và chỉ tiêu nợ nước ngoài của Việt Nam; đồng thời, có thể xuất hiện rút vốn nóng, thao túng tỷ giá,...

Giải pháp kiểm soát rủi ro: khi xây dựng Nghị định về ngoại hối của TTTCQT, cần có các quy định để giám sát, theo dõi dòng vốn từ TTTC vào phần còn lại của Việt Nam và từ phần còn lại của Việt Nam vào TTTC thông qua cơ chế khai báo thông tin; thực thi chế độ báo cáo nghiêm ngặt, kiểm soát việc chuyển vốn thực hiện qua tài khoản chuyên dùng; hạn chế cho vay ngắn hạn, khuyến khích việc cho vay trung hạn và dài hạn.

Thứ hai, về thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch hoạt động trong phạm vi TTTCQT, đặc biệt ở một số lĩnh vực như sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, tín chỉ các-bon, kim loại quý... cũng tiềm ẩn một số rủi ro bị lợi dụng để hợp thức hóa dòng tiền bất hợp pháp thông qua mua bán các sản phẩm trên; rủi ro bị đầu cơ, thổi giá, tạo bong bóng tài sản,...

Giải pháp kiểm soát rủi ro: (1) Xây dựng khung pháp lý đồng bộ, trong đó phân loại rõ từng loại sản (giao dịch hàng hóa, tín chỉ các-bon, tài sản số, sản phẩm sáng tạo...) để có quy chuẩn riêng biệt; quy định các yêu cầu pháp lý về công bố thông tin, đăng ký sản phẩm, kiểm tra định danh, lưu trữ dữ liệu đối với sản phẩm giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để rửa tiền hoặc thổi giá; gắn kết các

quy định phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố với từng mô hình giao dịch cụ thể. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát tiền ảo, tài sản mã hóa, NFT trong hệ thống TTTCQT theo chuẩn mực FATF; thiết lập cơ sở pháp lý cho việc tạm ngừng hoặc đình chỉ hoạt động sàn nếu có dấu hiệu thao túng thị trường; (2) Xây dựng thiết chế giám sát chặt chẽ, minh bạch, có hệ thống, theo chuẩn mực quốc tế để kiểm soát các giao dịch trên sàn. Trong đó, cần xác định quyền truy cập dữ liệu theo thời gian thực từ các sàn giao dịch của cơ quan giám sát; có hệ thống giám sát tự động ứng dụng công nghệ pháp lý (RegTech) và giám sát hành vi thay vì chỉ giám sát hồ sơ; yêu cầu các sàn phải có hệ thống giám sát nội bộ, công cụ nhận diện giao dịch bất thường và báo cáo định kỳ; có cơ chế đánh giá rủi ro định kỳ với từng loại sàn (risk scoring) và có thể nghiên cứu, quy định về việc bắt buộc các sàn phải có quỹ bảo vệ nhà đầu tư, hạn mức lệnh giao dịch và quy trình xử lý khi xảy ra sự cố thị trường.

Đồng thời, cần thực hiện cơ chế tiền kiểm, hậu kiểm đối với sản phẩm niêm yết trên sàn; hạn chế và kiểm soát mức độ đòn bẩy tài chính (leverage) trong giao dịch trên sàn; xây dựng và triển khai hệ thống công cụ cảnh báo rủi ro thị trường cho nhà đầu tư, công khai các rủi ro tiềm tàng và mức độ biến động.

Thứ ba, chính sách thử nghiệm có kiểm soát cho FinTech và đổi mới sáng tạo là đột phá và cần thiết để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nhưng có rủi ro về trách nhiệm pháp lý cho các cá nhân, tổ chức thực hiện.

Giải pháp xử lý: cần có quy định cho phép tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan quản lý và người giám sát thử nghiệm có kiểm soát khi đã tuân thủ đầy đủ quy trình thử nghiệm và không vụ lợi được miễn trừ trách nhiệm hành chính, kỷ luật và dân sự nếu xảy ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thử nghiệm do nguyên nhân khách quan.

3. Về thành viên TTTC (Chương III)

Về quyền của thành viên (Điều 11)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) cần cho phép các nhà đầu tư khi đầu tư dự án mới, được thực hiện dự án đầu tư theo thủ tục rút gọn để khuyến khích các nhà đầu tư (điểm b khoản 4); (ii) Về quyền của các thành viên, nhất là những thành viên quan trọng không phải làm những thủ tục như thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, nếu không theo dõi việc đăng ký sẽ không thể quản lý, giám sát rủi ro về mặt tài chính.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Quy trình thủ tục về đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài đã được đơn giản hóa tại điểm b khoản 4; theo đó nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập tổ chức kinh tế mà không có dự án đầu tư và không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư trong TTTC. Các nội dung cụ thể sẽ tiếp tục được quy định tại Nghị định hướng dẫn.

(ii) Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế chuyển từ “đăng ký trước” sang “thông báo sau” đối với hoạt động góp vốn, mua cổ phần trong nội bộ Trung tâm

tài chính quốc tế (TTTCQT). Việc này nhằm giảm thiểu thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thị trường nhanh chóng, theo thông lệ quốc tế tại các trung tâm tài chính lớn.

Tuy nhiên, để bảo đảm vẫn kiểm soát được rủi ro, dự thảo không bỏ qua trách nhiệm giám sát mà thay đổi phương thức thực hiện:

- Việc thông báo thay đổi thành viên, cổ đông, tỷ lệ góp vốn... vẫn phải thực hiện theo quy định về đăng ký doanh nghiệp và báo cáo định kỳ, qua đó cơ quan quản lý có đầy đủ thông tin để theo dõi dòng vốn, cấu trúc sở hữu và các giao dịch tài chính đáng ngờ.

- Cơ quan giám sát TTTCQT có chức năng phân tích, đánh giá rủi ro các giao dịch chuyển nhượng vốn, mua bán cổ phần và có thể yêu cầu kiểm tra, xử lý nếu có dấu hiệu bất thường.

Ngoài ra, với các giao dịch liên quan giữa TTTCQT và phần còn lại của Việt Nam, theo quy định tại Điều 12 của dự thảo, nhà đầu tư vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định về đầu tư, phòng chống rửa tiền, kiểm soát ngoại hối và các quy định pháp luật liên quan khác.

Mô hình này bảo đảm sự phân tách rủi ro của TTTCQT với thị trường trong nước, đồng thời vẫn có cơ chế kiểm soát hậu kiểm hiệu quả, thông minh, ứng dụng công nghệ giám sát thay vì thủ tục hành chính nặng nề ban đầu. Hướng tiếp cận này phù hợp với chuẩn mực quốc tế và góp phần nâng cao tính hấp dẫn, cạnh tranh của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

4. Về các chính sách đặc thù áp dụng trong TTTCQT (Chương IV)

4.1. Về thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch (Điều 13)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Cụm từ “sàn giao dịch chuyên biệt” chưa rõ ràng; việc liệt kê các sàn, nền tảng giao dịch vừa thừa vừa thiếu, khoản e về sàn chuyên biệt cũng bao trùm các sàn, nền tảng chuyên biệt đã liệt kê. Đề nghị chỉ quy định “TTTC được thành lập các sàn giao dịch chuyên biệt và các nền tảng giao dịch”; (ii) Cần nhắc quy định giao cho cơ quan điều hành của TTTC đứng ra thành lập sàn giao dịch và những thành viên của Trung tâm tham gia vào sàn giao dịch, đóng vai trò người tạo lập thị trường... giống như các nước khác, không nên quy định thành viên của Trung tâm thành lập sàn (khoản 1); (iii) Nếu có quy định thành viên trung tâm thì chọn 1-2 sản phẩm đặc thù được thành lập, ví dụ như sàn giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật và đề nghị giới hạn không được cho rộng như quy định trong dự thảo Nghị quyết.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Việc dự thảo Nghị quyết liệt kê một số loại sàn giao dịch, nền tảng giao dịch chuyên biệt trong Trung tâm tài chính quốc tế (TTTCQT) xuất phát từ mục tiêu định hướng rõ những lĩnh vực có tiềm năng phát triển và thu hút đầu tư chiến lược, qua đó tạo lập kỳ vọng thị trường và giúp nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng nhận diện những ưu tiên chính sách của Việt Nam trong xây dựng TTTCQT.

Quy định tại điểm e về “sàn giao dịch chuyên biệt khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ” là quy định mang tính mở, tạo sự linh hoạt trong việc bổ sung các loại hình mới trong tương lai mà hiện nay chưa phổ biến hoặc chưa được pháp luật Việt Nam điều chỉnh đầy đủ. Do đó, điểm e không mâu thuẫn với các điểm khác, mà được quy định nhằm bảo đảm tính linh hoạt và thể hiện tinh thần phân cấp hợp lý trong tổ chức, vận hành TTTCQT. Khái niệm “sàn giao dịch chuyên biệt” trong dự thảo Nghị quyết được hiểu là sàn hoạt động trong một lĩnh vực có tính chất đặc thù, chuyên sâu về sản phẩm, phương thức giao dịch và cơ chế quản lý, như sàn tín chỉ các-bon, sàn giao dịch vàng, kim loại quý, tài sản số...

Do đó, việc vừa quy định liệt kê, vừa quy định mở là cần thiết để vừa định hướng, vừa không giới hạn khả năng mở rộng phù hợp với xu hướng phát triển của TTTCQT trong tương lai.

(ii) TTTCQT là trung tâm mở, cho phép các nhà đầu tư tự do đầu tư để đảm bảo khả năng, tốc độ đầu tư nhanh chóng, đáp ứng với tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế. Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc giao cơ quan điều hành đứng ra thành lập, tổ chức và vận hành các sàn giao dịch như mô hình của một số TTTC (ví dụ như ở Singapore hoặc Thượng Hải) thường chỉ phù hợp trong giai đoạn đầu phát triển hoặc khi Nhà nước muốn kiểm soát tuyệt đối các dòng vốn chiến lược. Trong khi đó, định hướng của TTTCQT Việt Nam là thu hút các chủ thể tư nhân có năng lực quốc tế, tận dụng sáng kiến, công nghệ và vốn của khu vực tư nhân. Nếu cơ quan điều hành trực tiếp thành lập sàn sẽ dẫn tới tăng gánh nặng ngân sách và nhân lực vận hành; làm giảm động lực cạnh tranh và đổi mới sáng tạo trên thị trường; không phù hợp với mô hình quản trị phi tập trung theo thông lệ TTTC hiện đại.

Ngoài ra, có những quy tắc vận hành và kiểm soát sàn giao dịch; khi các thành viên đáp ứng đủ điều kiện thì có thể lập sàn giao dịch. Mặc dù thành viên TTTCQT có thể lập sàn giao dịch, nhưng sẽ phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về điều kiện thành lập, quản trị, công bố thông tin, giám sát rủi ro và phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố... do cơ quan giám sát TTTCQT ban hành và kiểm tra thường xuyên. Cơ chế này bảo đảm vừa mở cửa thị trường, vừa không buông lỏng quản lý nhà nước.

Từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn thì nên cho các sàn giao dịch cạnh tranh với nhau sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường, đến mức độ nhất định thì có thể cho phép tiến hành tập trung kinh tế nếu như có những tác động tích cực đến cạnh tranh (trong trường hợp mức độ tập trung kinh tế cao).

(iii) Việc dự thảo Nghị quyết cho phép thành lập nhiều loại sàn giao dịch, nền tảng giao dịch trong Trung tâm tài chính quốc tế (TTTCQT) xuất phát từ mục tiêu phát triển TTTCQT theo mô hình mở, thích ứng nhanh và không bỏ lỡ các cơ hội đổi mới toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh các tài sản mới như tín chỉ các-bon, sản phẩm số, tài sản phi truyền thống... ngày càng phổ biến.

Dự thảo Nghị quyết không khuyến khích phát triển dàn trải, mà đặt ra khung chính sách mở có kiểm soát. Việc hình thành từng loại sàn giao dịch vẫn phải

được cơ quan điều hành TTTCQT xem xét, thẩm định và cấp phép dựa trên tiêu chí cụ thể về năng lực tổ chức, hệ thống công nghệ, khả năng quản lý rủi ro, phòng chống rửa tiền, tác động tài chính – tiền tệ... Do đó, mặc dù chính sách cho phép nhiều loại hình, nhưng không đồng nghĩa với việc triển khai ồ ạt hay thiếu kiểm soát. Việc thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch do cơ quan điều hành xem xét, chấp thuận.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các TTTC thành công như Dubai, Singapore, Thụy Sĩ... đều không giới hạn quá hẹp phạm vi sản phẩm ngay từ đầu, mà cho phép hình thành thử nghiệm, có giám sát, để thúc đẩy đổi mới và thu hút dòng vốn mới. Nếu ngay từ đầu chỉ giới hạn ở 1–2 loại sản phẩm đặc thù như văn hóa – nghệ thuật, có thể bỏ qua các cơ hội phát triển thị trường mới như giao dịch tín chỉ carbon (đang tăng mạnh do xu thế kinh tế xanh); tài sản số (được quốc tế hóa và chuẩn hóa pháp lý dần); sản phẩm ESG, công nghệ blockchain...

4.2. Về chính sách ngoại hối (Điều 16)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Xem xét quy định rõ ràng về cơ chế kiểm soát dòng tiền, phòng chống rủi ro về rửa tiền, chuyển giá; (ii) xác định danh mục hoạt động được sử dụng ngoại tệ, tránh tình trạng lạm dụng hoặc vi phạm chính sách tiền tệ quốc gia; (iii) Cần nhắc quy định tại điểm b, khoản 7 vì không đảm bảo công bằng giữa các nhà đầu tư; (iv) Chưa quy định rõ về cơ chế kiểm soát rủi ro dòng vốn ra, vào, phòng, ngừa rửa tiền hay các công cụ quản lý thanh khoản linh hoạt; đề nghị bổ sung mô hình kiểm soát ngoại hối linh hoạt theo kiểu “cửa sổ vốn” được triển khai tại khu thí điểm tự do thương mại Thượng Hải của Trung Quốc; (v) Ngân hàng Nhà nước tham gia thêm quản lý ngoại hối đối với nhà đầu tư cá nhân.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về cơ chế kiểm soát dòng tiền, phòng chống rủi ro về rửa tiền, chuyển giá:

Từ góc độ phòng, chống rửa tiền, Chính phủ nhất trí với sự cần thiết phải đảm bảo việc giám sát, theo dõi dòng tiền để kịp thời nhận biết và giảm thiểu các rủi ro và nguy cơ bị lợi dụng để rửa tiền, chuyển giá. Theo đó, tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về TTTC, quy định về phòng chống rửa tiền (PCRT) được xác định áp dụng theo các quy định pháp luật của Việt Nam với mọi đối tượng hoạt động tại TTTC. Cụ thể, Điều 12 dự thảo Nghị quyết quy định: “Thành viên Trung tâm tài chính và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại TTTC có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt”.

Khuôn khổ pháp lý về PCRT của Việt Nam hiện nay với các quy định về nhận biết khách hàng, giám sát giao dịch đặc biệt và báo cáo giao dịch đáng ngờ đã có cơ sở pháp lý cho đối tượng báo cáo (là các tổ chức tài chính và các tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan) thực hiện việc theo dõi, giám sát và báo cáo cho các cơ quan chức năng về các giao dịch đáng ngờ góp phần giám sát, phòng ngừa rủi ro rửa tiền và áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, đối với các giao dịch vốn, tại Điều 16 dự thảo NQ quy định giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư, cho vay từ TTTCQT ra nước ngoài của Thành viên TTTCQT do NĐTNN sở hữu 100% vốn điều lệ được miễn thủ tục hành chính liên quan đến quản lý ngoại hối, nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối như mở tài khoản, chế độ báo cáo, xuất trình chứng từ ... tại TCTD trong TTTCQT. Tương tự, thành viên TTTCQT khi vay từ nước ngoài cũng phải tuân thủ chế độ khai báo, báo cáo.

(ii) Về xác định danh mục hoạt động được sử dụng ngoại tệ để tránh tình trạng lạm dụng hoặc vi phạm chính sách tiền tệ quốc gia:

Việc xác định danh mục hoạt động được sử dụng ngoại tệ là không khả thi vì không thể liệt kê được đầy đủ các giao dịch, hoạt động, đặc biệt là tại TTTCQT, nơi khuyến khích thúc đẩy các hoạt động kinh doanh mới phát triển. Tại dự thảo Nghị quyết đã quy định giới hạn phạm vi được áp dụng chính sách theo chủ thể, cụ thể:

+ Việc thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá đối với các hoạt động, dịch vụ giữa các Thành viên với nhau được sử dụng ngoại tệ theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn;

+ Việc thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá đối với các hoạt động, dịch vụ giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài được sử dụng ngoại tệ;

+ Việc sử dụng ngoại tệ trong các giao dịch giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Dự thảo Nghị quyết “mở” hơn so với quy định hiện nay, trong đó cho phép sử dụng ngoại tệ trong các giao dịch giữa các Thành viên với nhau. Đồng thời, để hạn chế rủi ro, đảm bảo chính sách sử dụng ngoại tệ tự do được áp dụng đúng đối tượng thành viên tại TTTCQT, hạn chế tình trạng lạm dụng chính sách gây ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ quốc gia, tại dự thảo Nghị định hướng dẫn về hoạt động ngoại hối Nghị quyết (do NHNN xây dựng) sẽ có quy định để quản lý như: (i) Các giao dịch thanh toán, chuyển tiền bằng ngoại tệ giữa các thành viên TTTC phải được thực hiện bằng ngoại tệ chuyển khoản qua tài khoản ngoại tệ mở tại TCTD là thành viên TTTCQT; (ii) Các TCTD là thành viên TTTC có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, lưu giữ chứng từ đảm bảo giao dịch đúng mục đích, đúng đối tượng, phù hợp với quy định,...

(iii) Về quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16:

Theo khoản 4 Điều 11 dự thảo Nghị quyết, *nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) được sở hữu toàn bộ hoặc một phần cổ phần, phần vốn góp của Thành viên*. Như vậy, Thành viên TTTCQT, bao gồm: Thành viên TTTC do NĐTNN thành lập và sở hữu 100% vốn; Thành viên do NĐTNN và Nhà đầu tư Việt Nam tham gia góp vốn; Thành viên TTTC do các nhà đầu tư trong nước thành lập và sở hữu 100% vốn điều lệ. Do đó, chỉ cho phép Thành viên TTTC do NĐTNN sở hữu 100% vốn

điều lệ được áp dụng chính sách vượt trội (*không phải tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ TTTC ra nước ngoài*), quy định này phù hợp với mục tiêu của Đề án là thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào TTTC.

Tương tự như các Thành viên còn lại, Thành viên do NĐTNN sở hữu 100% vốn điều lệ vẫn phải thực hiện quy định về (i) mở, sử dụng tài khoản chuyên dùng để thực hiện các giao dịch chuyển vốn vào/ra TTTCQT; và (ii) chế độ báo cáo quy định tại Nghị định và các văn bản hướng dẫn. Do vậy, về cơ bản, không có sự phân biệt về quy định quản lý ngoại hối đối với 2 đối tượng Thành viên nêu tại điểm a) và điểm b) Khoản 7 liên quan đến hoạt động đầu tư của Thành viên từ TTTCQT ra nước ngoài.

(iv) Do Nghị quyết chỉ quy định những vấn đề khung, các cơ chế kiểm soát rủi ro dòng vốn ra, vào sẽ được nghiên cứu quy định cụ thể ở Nghị định Chính phủ, trong đó có một số nội dung:

- + Cơ chế sử dụng tài khoản chuyên dùng để thực hiện các giao dịch vay, cho vay, đầu tư của Thành viên; cơ chế mở và sử dụng tài khoản của NĐTNN khi thực hiện đầu tư vào TTTCQT; Nghiên cứu bổ sung quy định về nguồn ngoại tệ để đầu tư từ TTTCQT ra nước ngoài, đầu tư từ phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam vào TTTCQT;

- + Cơ chế báo cáo định kỳ đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi NĐTNN và Thành viên mở tài khoản;

- + Việc kiểm tra chứng từ; quy định về nguyên tắc minh bạch dòng tiền;

- + Việc khai báo thông tin; thực hiện thủ tục hành chính đối với một số giao dịch đầu tư, vay và cho vay.

Ngoài ra, tại khoản 5 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết có nội dung nêu rõ nguyên tắc: “5. Nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và ngăn chặn các yếu tố có thể đe dọa an ninh quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế có thể đưa ra các biện pháp hạn chế đối với Thành viên Trung tâm tài chính.” Do đó, trường hợp cần thiết, các cơ quan quản lý nhà nước có thể tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hạn chế phù hợp với bối cảnh thực tiễn khi TTTCQT đi vào hoạt động để hạn chế ảnh hưởng tới an ninh tiền tệ quốc gia.

Về mô hình *kiểm soát ngoại hối linh hoạt theo kiểu “cửa sổ vốn”*, NHNN sẽ nghiên cứu kinh nghiệm tại khu thí điểm tự do thương mại Thượng Hải của Trung Quốc để bổ sung quy định về kiểm soát ngoại hối tại Nghị định hướng dẫn Nghị quyết trong trường hợp cần thiết.

(v) Về đề nghị NHNN tham gia thêm một mảng nữa là quản lý ngoại hối đối với nhà đầu tư cá nhân:

Dự thảo Nghị quyết đã bao gồm quy định về quản lý ngoại hối đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, cụ thể: Theo Điều 16 dự thảo Nghị quyết, các đối tượng tham gia hoạt động đầu tư vào/ra TTTCQT gồm: (i) Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) Thành viên TTTCQT; (iii) Tổ chức không phải là Thành viên TTTCQT trên

lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, đối tượng quy định tại điểm (ii), (iii) đều là Tổ chức; đối tượng nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cá nhân, tổ chức kinh tế nước ngoài. Khoản 5 Điều 16 dự thảo đã có quy định về quản lý ngoại hối đối với nhà đầu tư nước ngoài.

4.3. Về chính sách hoạt động ngân hàng (Điều 17)

Ủy ban KTTC và đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) cân nhắc quy định tại khoản 3 vì quy định không đảm bảo công bằng, minh bạch giữa các ngân hàng, cần có tiêu chuẩn ngang nhau để các ngân hàng trong nước phấn đấu, tiệm cận với tiêu chuẩn của nước ngoài (khoản 3); (ii) Cần quy định điều kiện cụ thể như: thẩm định năng lực tài chính của ngân hàng mẹ, cơ chế phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ban Quản lý TTTCQT tại Việt Nam trong đánh giá hoạt động và xử lý vi phạm; (iii) Về chính sách hoạt động ngân hàng (Điều 17) đề nghị làm rõ “các vấn đề liên quan khác của TCTD”, bảo đảm việc giao Chính phủ quy định là phù hợp về thẩm quyền; (iv) đề nghị cân nhắc tạo điều kiện TTTC ở quốc tế của Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện toàn bộ các sản phẩm, các giao dịch, các dịch vụ tài chính, ngân hàng và các sản phẩm khác của một TTTCQT toàn diện như các TTTQT trên thế giới.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Hiện nay, dự thảo Nghị quyết đang quy định theo hướng cho phép: Đối với NHTM 100% vốn nước ngoài, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài được áp dụng chính sách về chuẩn mực kế toán, tỷ lệ đảm bảo an toàn và chính sách phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của chủ sở hữu/ngân hàng mẹ; Đối với NHTM 100% vốn trong nước thực hiện theo pháp luật Việt Nam.

Quy định này đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc thù của từng loại hình hiện diện của các thành viên được cấp phép thực hiện hoạt động ngân hàng, phù hợp với điều kiện triển khai cũng như hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành tại Việt Nam; đồng thời hạn chế phát sinh các chi phí vận hành từ việc xây dựng mới và chuyển đổi hệ thống chuẩn mực kế toán và báo cáo tài chính, hạn chế việc tuân thủ các quy định pháp lý khác nhau về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, phương pháp phân loại nợ, trích lập dự phòng mà không phù hợp với quy định hiện hành mà chủ sở hữu đang áp dụng, tạo thuận lợi cho ngân hàng mẹ trong việc hợp nhất báo cáo tài chính trong cùng 1 chuẩn mực kế toán, đồng thời hạn chế sai lệch do sự khác biệt chuẩn mực kế toán giữa các quốc gia.

Ngoài ra, quy định này công bằng, minh bạch giữa ngân hàng trong nước và ngân hàng nước ngoài vì nếu ngân hàng nước ngoài, chi nhánh NHNNg được áp dụng chuẩn mực kế toán, phân loại nợ, các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo ngân hàng mẹ/chủ sở hữu thì ngân hàng trong nước cũng được áp dụng chuẩn mực kế toán, phân loại nợ, trích lập, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo ngân hàng mẹ trong nước hay nói cách khác là theo quy định pháp luật Việt Nam.

Trên góc độ quản lý: Việc quy định linh hoạt này giúp cơ quan quản lý tận dụng các quy định hiện có, giảm áp lực phải ban hành ngay các văn bản hướng dẫn trong bối cảnh cần triển khai sớm nhất có thể. Hiện nay, Việt Nam chưa áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán (ví dụ như IFRS) mà vẫn áp dụng chuẩn mực kế toán Việt

Nam (VAS) trong khi vẫn cần quản lý, giám sát đối với một số tỷ lệ đảm bảo an toàn. Do vậy, trước mắt có thể cho phép áp dụng chuẩn mực kế toán, phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cùng với các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo chính sách của ngân hàng mẹ/chủ sở hữu đảm bảo vừa thuận lợi cho Thành viên TTTC, vừa giúp cơ quan quản lý tiếp cận được ngay với các chỉ số an toàn và các chính sách khác của Thành viên TTTC. Ngoài ra, NHNN đang khẩn trương xây dựng và sớm ban hành quy định về an toàn vốn, thanh khoản theo chuẩn mực Basel III. Do đó trường hợp ngân hàng mẹ trong nước có đủ năng lực triển khai theo chuẩn mực Basel III, NHTM 100% vốn trong nước là thành viên TTTC sẽ thực hiện tương ứng để tiệm cận thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

(ii) Về việc thẩm định năng lực tài chính của ngân hàng mẹ: Khoản 5 Điều 17 dự thảo Nghị quyết (phiên bản 30) đã quy định việc cấp phép thành lập, tổ chức, phạm vi, nội dung hoạt động và các vấn đề liên quan khác của NHTM, chi nhánh NHNNg là thành viên TTTC thực hiện theo quy định của Chính phủ. Theo đó dự kiến Nghị định hướng dẫn sẽ có các quy định điều kiện về năng lực tài chính của ngân hàng mẹ.

(iii) Hoạt động ngân hàng tại TTTC bao gồm nhiều nội dung như: cấp phép thành lập; tổ chức hoạt động; phạm vi, nội dung hoạt động (các dịch vụ được cung cấp); các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động; chế độ báo cáo thống kê; phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; giải thể, thanh lý, phá sản... Để đảm bảo tinh thần Nghị quyết Quốc hội chỉ nêu những vấn đề chung, mang tính nguyên tắc nên các nội dung này sẽ được hướng dẫn cụ thể theo quy định của Chính phủ.

(iv) Việt Nam là một thị trường mới nổi, hệ thống luật pháp và trình độ phát triển kinh tế ngày càng hoàn thiện, việc thành lập TTTC cũng đồng thời phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Theo dự thảo Nghị quyết, TTTC là một khu vực có ranh giới xác định, được thực hiện đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, với mục tiêu kết nối với các thị trường và TTTC lớn trên thế giới. Đối với lĩnh vực ngân hàng là ngành kinh doanh có điều kiện phải được cấp phép thành lập và hoạt động theo hướng dẫn cụ thể của Chính phủ để đảm bảo các dịch vụ ngân hàng vừa được cung ứng linh hoạt, vừa hạn chế tối đa sự tác động vào thị trường trong nước trong trường hợp TTTC xảy ra sự cố.

4.4. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn (Điều 18)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Bổ sung thêm các chính sách để đảm bảo tính toàn diện và đầy đủ, thể hiện rõ phạm vi của chính sách tài chính và thị trường vốn thay vì chỉ có doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và tài chính xanh. Nếu chính sách này chỉ có ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hay đối với lĩnh vực tài chính xanh, phải thay tiêu đề ghi rõ chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và phát triển thị trường tài chính xanh cho phù hợp nội hàm của Điều này; (ii) Hoàn thiện dự thảo theo hướng: về chứng nhận sản phẩm tài chính xanh, cần dẫn chiếu tới tiêu chuẩn quốc tế như nguyên tắc trái phiếu xanh của hiệp hội thị trường vốn quốc tế; phân loại rõ các nền tảng huy động vốn, gọi vốn cộng đồng, cho vay ngang hàng để tránh rủi ro pháp lý khi triển khai thực tế.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: (i) Tại Điều 18, ngoài quy định đối với doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và tài chính xanh là những đối tượng thuộc động lực tăng trưởng hiện nay, ngoài ra còn có phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm; do vậy tiêu đề của điều 18 là phù hợp để mang tính bao quát; (ii) Dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ các phương thức huy động vốn mà Thành viên được áp dụng. Nghị quyết được xây dựng trên nguyên tắc chỉ quy định các chính sách chung, mang tính khung, do đó, các nội dung quy định về tiêu chuẩn chứng nhận sản phẩm tài chính xanh, các nền tảng huy động vốn sẽ được tiếp thu, nghiên cứu tại Nghị định hướng dẫn của Chính phủ.

4.5. Chính sách thuế tại TTTCQT (Điều 19)

Đại biểu Quốc hội đề nghị

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: (i) Rà soát lại tổng thể các ưu đãi về thuế, bảo đảm tính hấp dẫn nhưng không chênh lệch quá cao; (ii) Có cơ chế kiểm soát, hướng dẫn cụ thể việc áp dụng ưu đãi đối với doanh nghiệp vừa hoạt động tại TTTC, vừa có hoạt động ngoài TTTCQT; (iii) Đề nghị bổ sung quy định ưu đãi đối với thuế về chuyển thu nhập về nước đối với các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài làm việc hay đầu tư tại TTTC để khuyến khích các nhà đầu tư, các cá nhân làm việc tại; (iv) đề nghị làm rõ những khoản thu nhập từ chuyển nhượng các dự án đầu tư trong TTTC có được miễn thuế hay không, làm rõ quy định về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh về xây dựng hạ tầng trong TTTC để đảm bảo tương thích với Luật Thuế TNDN; (v) Đánh giá tính hiệu quả, phù hợp của ưu đãi thuế cho các thành viên trong TTTCQT với các quy định về thuế Tối thiểu toàn cầu của OECD (đã được quy định tại Nghị quyết 107/2023/QH15).

- Về thuế thu nhập cá nhân: (i) Cần có chính sách đặc thù miễn thuế TNCN cho đội ngũ chuyên gia về tài chính; (ii) Chính sách thuế TNCN áp dụng đến 2030 không có ý nghĩa thực tiễn; ưu đãi Thuế TNCN cần áp dụng cho cả người làm việc trong các dự án đầu tư, không giới hạn về địa điểm hành chính (khoản 2).

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: (i) Các ưu đãi quy định tại Nghị quyết đã được rà soát trên cơ sở cân đối trong tổng thể chung, đảm bảo nguyên tắc có tính cạnh tranh, hiệu quả, nhưng không tạo sự phân biệt, khác biệt rất lớn giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh và làm việc trên cùng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; (ii) Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội về việc làm rõ việc áp dụng ưu đãi cho Thành viên có dự án đầu tư, dự thảo đã điều chỉnh tại điểm a và b khoản 1 Điều 19; (iii) Pháp luật thuế hiện hành không quy định thu thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài (thuế đối với hoạt động chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đã được bãi bỏ từ năm 2004); (iv) Luật Thuế TNDN quy định không áp dụng ưu đãi thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trừ nhà ở xã hội, thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư. Tại Luật Thuế TNDN (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua vào ngày 14/6/2025 tiếp tục kế thừa những nội dung này. Mặt khác, những ngành, nghề này

cũng không phải là lĩnh vực khuyến khích đầu tư trong việc xây dựng và thành lập TTTC, vì vậy, không cần quy định nội dung này tại dự thảo Nghị quyết và đề nghị thực hiện theo pháp luật thuế hiện hành; (v) Đối với các chủ thể được hưởng ưu đãi nhưng thuộc đối tượng phải áp dụng Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với người nộp thuế theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Nghị quyết 107/2023/QH15 thì vẫn thực hiện nộp bổ sung như các dự án khác nằm ngoài TTTCQT.

- Về thuế thu nhập cá nhân: (i) Để thu hút nhân lực cao vào làm việc tại TTTC, việc có chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân là cần thiết nhưng cần đảm bảo sự chọn lọc, có trọng tâm, phù hợp với thông lệ trên thế giới, hướng đến thu hút nguồn nhân lực trình độ cao trong một số lĩnh vực của nền kinh tế. Việc quy định miễn thuế đối với TNCN như quy định tại dự thảo Nghị quyết là phương pháp ưu đãi thuế đơn giản và mang tính khả thi hơn việc giao Chính phủ thực hiện xây dựng quy định chính sách ưu đãi thuế theo một biểu thuế ưu đãi mới, vừa giảm thiểu thủ tục hành chính, đơn giản, hiệu quả hơn cho tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách thuế và cao hơn mặt bằng chung về ưu đãi thuế TNCN so với các TTTC khác trên thế giới, tăng tính thu hút của TTTC tại Việt Nam; (ii) Các chính sách tại dự thảo Nghị quyết được thực hiện trong một thời gian nhất định, sau quá trình thực hiện sẽ tổng kết đánh giá về hiệu quả chính sách. Việc không giới hạn thời gian có thể dẫn đến những vấn đề hệ lụy liên quan đến đảm bảo đầu tư sau này.

4.6. Về chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động đối với chuyên gia, nhà quản lý và nhà đầu tư (Điều 20)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: Cần có tiêu chuẩn, định lượng rõ ràng khái niệm thế nào là chuyên gia, nhà khoa học, nhà đầu tư chiến lược; (ii) cần xây dựng những chính sách linh hoạt về lao động, về visa cho chuyên gia để khi so sánh với các TTTCQT tại Singapore, Dubai, Hongkong hay Luxembourg, Việt Nam có những điểm vượt trội.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: (i) các tiêu chí xác định người nước ngoài thuộc đối tượng được áp dụng ưu đãi liên quan đến chính sách thị thực, xuất nhập cảnh sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ; (ii) Tiếp thu ý kiến, cơ quan soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung Điều 20 dự thảo Nghị quyết theo hướng cấp thị thực, thẻ tạm trú thời hạn đến 10 năm cho người nước ngoài là nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà quản lý, lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở trong TTTC; Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ, Chính phủ đã có Tờ trình số 21/TTr-CP ngày 15/6/2025 gửi Quốc hội về việc đề xuất đưa nội dung miễn thị thực cho người nước ngoài thuộc đối tượng đặc biệt cần ưu đãi nhập cảnh Việt Nam vào Nghị quyết chung của Quốc hội khóa XV tại kỳ họp thứ 9. Nếu chính sách trên được Quốc hội thông qua, người nước ngoài thuộc diện đặc biệt cần ưu đãi sẽ được miễn thị thực nhập cảnh vào Việt Nam.

4.7. Về chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội (Điều 21)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Cần quy định rõ trách nhiệm các chủ thể trong bảo vệ quyền, lợi ích người lao động Việt Nam; bổ sung quy định về chính sách bảo hiểm bắt buộc tối thiểu và yêu cầu tính minh bạch về thông tin lao động; Cần có quy định công nhận tương đương bảo hiểm của nước ngoài, đồng thời bảo đảm quyền lợi cơ bản cho lao động Việt Nam tại TTTCQT (ii) Dự thảo thiếu điều kiện ràng buộc rõ ràng thể gây rủi ro về kiểm soát nhân sự đối với đối tượng; quy định chuyên gia nước ngoài phải có chứng chỉ hành nghề tài chính quốc tế được công nhận; bổ sung cơ chế công bố mức lương thị trường và kiểm soát chống phân biệt lương giữa chuyên gia nước ngoài và lao động trong nước; (iii) Bổ sung thêm các ưu đãi khác cho doanh nghiệp trong TTTCQT sử dụng nhiều lao động Việt Nam; Phân cấp cho cơ quan điều hành của TTTC quyết định những vấn đề này; (iv) Xây dựng một số cơ sở để phục vụ cho chuyên gia cao cấp trong TTTCQT.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: (i) Dự thảo Nghị quyết đã quy định các chính sách liên quan đến chế độ đãi ngộ, lương thưởng; an sinh xã hội cho người lao động tại TTTC. Chính sách này được đánh giá là khá vượt trội so với mặt bằng các TTTC khác trên thế giới. Về bảo hiểm cho người lao động nước ngoài và lao động Việt Nam cũng được quy định tại khoản 4 Điều 21; các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ; (iii) Quy định tại dự thảo cũng giao cho cơ quan điều hành, cơ quan giám sát quyền và trách nhiệm trong việc xây dựng tiền lương và đãi ngộ, phát triển kỹ năng và nhân lực (như tiêu chí nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ chi phí, ...), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định việc dành quỹ đất và ngân sách để đầu tư phát triển khu nhà ở cho người lao động, trong đó có phân khu nhà ở cho các chuyên gia). (iv) Dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên nguyên tắc quy định các chính sách mang tính khung, do đó, các ý kiến của ĐBQH sẽ được tiếp thu, nghiên cứu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn của Chính phủ.

4.8. Về chính sách đất đai tại TTTC quốc tế (Điều 22)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Dự thảo quy định thời hạn tối đa là 70 năm không phù hợp với Luật Đất đai; cần làm rõ cơ chế sử dụng đất, có ranh giới hành chính rõ ràng (khoản 1, khoản 2); (ii) Quy định cụ thể đối với các dự án thuộc TTTC, được áp dụng cơ chế đặc thù - không đấu giá, không đấu thầu, mà được giao đất, cho thuê đất trực tiếp; (iii) Đề nghị quy định cụ thể tại Nghị quyết tỷ lệ % mà người nước ngoài có thể nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế tối đa là bao nhiêu % để bảo đảm vấn đề an ninh, an toàn (khoản 4).

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: (i) Dự thảo quy định thời hạn giao đất, cho thuê đất tối đa là 70 năm đối với các ngành nghề ưu tiên phát triển hoặc có quy mô lớn; 50 năm đối với các ngành nghề còn lại là phù hợp với quy định pháp luật về đất đai. Nội dung này cũng đã được Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị và được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương; (ii) Bản chất hoạt động của Thành viên chủ yếu thông qua các giao dịch trên không gian mạng, việc sử dụng đất chủ yếu dành cho việc đầu tư, xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng của nhà đầu tư chiến lược. Về việc này, tại khoản 2 Điều 26 dự thảo đã quy định nhà đầu tư chiến lược được nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn

nhà đầu tư trong trường hợp dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển; Tại dự thảo cũng đã quy định Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất sạch trong ranh giới TTTCQT để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê, đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng theo phương thức PPP; (iii) Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, người nước ngoài làm việc, đầu tư tại TTTCQT được phép mua, nhận chuyển nhượng, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại trong dự án đầu tư xây dựng bất động sản thuộc phạm vi TTTCQT theo quy định của pháp luật nhà ở. Để tránh việc nêu lại chính sách đã được quy định tại văn bản pháp luật khác, dự thảo Nghị quyết đã bỏ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 dự thảo Nghị quyết.

4.9. Về chính sách về xây dựng, môi trường (Điều 23)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: Cần quy định rõ cơ chế hậu kiểm và xử phạt nếu như vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật, có chế tài xử lý dự án gây ô nhiễm môi trường nếu vi phạm để tránh những hậu quả khó lường về sau; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thẩm tra để tránh sai sót, dẫn đến sự cố kỹ thuật về môi trường; phân loại dự án để áp dụng thủ tục linh hoạt hơn.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: Tại dự thảo Nghị quyết đã quy định, cơ quan điều hành có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến, Chính phủ sẽ nghiên cứu, bổ sung các cơ chế hậu kiểm, xử phạt, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan tại Nghị định hướng dẫn chi tiết.

4.10. Về chính sách khung thử nghiệm pháp lý cho Fintech và đổi mới sáng tạo (Điều 24)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) chính sách sandbox là cần thiết nhưng cần được cụ thể hóa thêm về thời hạn thử nghiệm, tiêu chí lựa chọn mô hình thử nghiệm và cơ chế chuyển tiếp sau thử nghiệm; cần quy định rõ trách nhiệm và cơ chế xử lý rủi ro nếu gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước hoặc bên thứ ba; (ii) Căn cứ vào nội dung quy định ở trong Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để quy định thống nhất về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, không nên nhắc lại nội dung đã quy định tại Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iii) Quy định các chính sách mới áp dụng tại TTTCQT là áp dụng thử nghiệm dành riêng cho Trung tâm không có thời hạn là phù hợp hơn.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: (i) Chính phủ sẽ tiếp tục tiếp thu, nghiên cứu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn chi tiết, trong đó bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn mô hình thử nghiệm, cơ chế chuyển tiếp sau thử nghiệm, trách nhiệm và cơ chế xử lý rủi ro...; (ii) Về các nội dung đã quy định tại Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan soạn thảo đã rà soát, dẫn chiếu đến Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iii) Chính sách thử nghiệm là chính sách mới, Việt Nam chưa có kinh nghiệm, do đó, việc cho phép thực hiện có thời hạn là cần thiết để đảm bảo tính an toàn, khả thi.

4.11. Chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (Điều 27)

Ủy ban KTTC đề nghị: (i) Về kinh phí: Nghị quyết 18 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã yêu cầu đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW, Hiến pháp cũng quy định nguyên tắc NSTW giữ vai trò chủ đạo. Do vậy, đề nghị đánh giá cụ thể tác động của chính sách tới NSTW; (ii) Về phạm vi sử dụng: Nguồn kinh phí này không chỉ sử dụng đầu tư trong TTTCQT, mà còn được đề xuất bố trí cho các công trình hạ tầng khác tại địa phương có vai trò quan trọng trong việc phát triển TTTCQT là khá dãn trải; (iii) Về việc cho phép 2 Thành phố tăng thêm bội chi, để bảo đảm an toàn tài chính quốc gia, đề nghị quy định theo hướng: Trong điều hành đề nghị Thành phố phấn đấu tăng thu, chủ động bố trí nguồn lực thực hiện. Trường hợp cần thiết phải tăng bội chi thì khi xây dựng dự toán về mức bội chi NSDP, Thành phố báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị: "... phấn đấu tăng tỉ trọng thu NSTW đến năm 2030 đạt 58 - 60% tổng thu NSNN để bảo đảm nguồn thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược quan trọng của quốc gia. Thực hiện đổi mới phương thức phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP theo hướng tăng số lượng các khoản thu phân chia, áp dụng tỉ lệ phân chia riêng cho từng khoản thu và ổn định lâu dài để tăng tính chủ động NSDP; dự thảo Luật NSNN sửa đổi đang trình Quốc hội đã thay đổi phương thức phân chia các khoản thu phân chia (trong đó có thu tiền sử dụng đất) giữa NSTW và NSDP, theo đó sẽ quy định cụ thể tỷ lệ % phân chia theo từng khoản thu cho từng địa phương (bao gồm cả khoản thu từ TTTCQT); qua đó dự kiến nâng mức tỷ trọng thu NSTW trong giai đoạn tới khoảng 57%, cơ bản đáp ứng được yêu cầu đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW. Với cơ chế bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng tương ứng số thu nội địa phần ngân sách trung ương được hưởng theo phân cấp phát sinh trên địa bàn TTTCQT không ảnh hưởng đến vai trò chủ đạo của NSTW.

(ii) Việc đầu tư không chỉ cho hạ tầng trong TTTC mà còn phục vụ hạ tầng kết nối với TTTC nhằm thúc đẩy tốc độ triển khai các dự án phát triển hạ tầng gắn với động lực phát triển mới tiềm năng là TTTCQT, hướng tới việc phát triển hạ tầng đồng bộ trong và ngoài khu vực trọng điểm là TTTCQT. Hơn nữa, cơ chế này có thời hạn không quá 10 năm và có thể được điều chỉnh khi TTTCQT phát triển, theo đó NSTW cũng được hưởng lợi từ sự phát triển của kinh tế của 02 thành phố và cả nước.

(iii) Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị quyết về tăng bội chi.

4.12. Về chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ (Điều 28)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Quy định rõ hơn về danh mục các hàng hóa cấm để tạo sự minh bạch cho các nhà đầu tư nước ngoài, các quy trình về kiểm tra chuyên ngành, các chính sách ưu đãi cụ thể; linh hoạt trong cơ chế điều phối,

quản lý liên ngành; có khung quy định trước đối với chính sách ưu đãi về xuất nhập khẩu; (ii) Chính sách đầu tư ra nước ngoài cũng cần cơ chế riêng, bao gồm ưu đãi về thanh khoản, chuyển tiền, ngoại hối, thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu...; (iii) Quy định “những đơn vị, thành viên TTTCQT khi thực hiện xuất, nhập khẩu những hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng thì được thực hiện ưu đãi” là không phù hợp, nên quy định áp dụng chung vì TTTCQT không phải là một khu vực có ranh giới cứng như Trung tâm thương mại tự do hay khu chế xuất, như vậy hàng hóa vào Trung tâm không thể kiểm soát được.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định hướng dẫn các quy định về danh mục hàng hóa cấm, các quy trình về kiểm tra chuyên ngành, các chính sách ưu đãi cụ thể, khung quy định chính sách ưu đãi về xuất nhập khẩu và các chính sách đầu tư ra nước ngoài, quy định về ưu đãi xuất, nhập khẩu đối với những hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

4.13. Về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh (Điều 30)

Ủy ban KTTT và đại biểu Quốc hội đề nghị làm rõ: (i) Về tính hợp lý của quy định cả thiết chế Trọng tài và Tòa án; (ii) Mô hình, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTCQT, mối liên quan với Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam; hiệu lực phán quyết, việc tổ chức thi hành phán quyết; (iii) Bổ sung cơ chế hòa giải thương mại vì hiện nay xu hướng sử dụng thiết chế hòa giải thương mại đang trở nên ngày càng hấp dẫn (khoản 2); (iv) mở rộng cơ chế các bên tranh chấp được lựa chọn quyền từ bỏ yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài ra ngoài phạm vi TTTC và tiến tới sửa đổi Luật Trọng tài thương mại 2010; Làm rõ mối quan hệ giữa trung tâm trọng tài trong TTTC với hệ thống trọng tài thương mại của Việt Nam, tránh xung đột hoặc khoảng trống pháp lý.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về tính hợp lý của quy định cả thiết chế Trọng tài và Tòa án: Việc quy định cả hai thiết chế Trọng tài và Tòa án trong hệ thống các cơ quan giải quyết tranh chấp tại TTTCQT là hoàn toàn hợp lý, cần thiết và phù hợp với thông lệ quốc tế, vì các lý do sau: (1) Bảo đảm đa dạng lựa chọn cho các bên tranh chấp: Mô hình Trung tâm tài chính quốc tế thường tập trung nhiều nhà đầu tư, định chế tài chính nước ngoài hoạt động, với các hợp đồng phức tạp, giá trị lớn, liên quan đến nhiều hệ thống pháp luật khác nhau. Do đó, cần thiết phải thiết kế hệ thống giải quyết tranh chấp đa dạng, linh hoạt, cho phép các bên lựa chọn giữa cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại (theo thỏa thuận) – phù hợp với thông lệ quốc tế và thường được nhà đầu tư ưa chuộng do tính linh hoạt, bảo mật, thủ tục nhanh gọn; cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Tòa án chuyên biệt – đảm bảo tính quyền lực nhà nước, có thể xử lý các tranh chấp không có thỏa thuận trọng tài hoặc có yếu tố công; (2) Phù hợp với thông lệ quốc tế tại các trung tâm tài chính lớn như Dubai (DIFC), Singapore (SICC), Qatar (QICDRC) đều thành lập Tòa án chuyên biệt, có cơ chế hoạt động độc lập, bằng tiếng Anh, với quy trình phù hợp chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, họ vẫn duy trì hoặc cho phép hoạt động song song của các trung tâm trọng tài quốc tế. Điều này cho thấy, việc tồn tại đồng

thời hai thiết chế là thông lệ phổ biến, tạo sự tin cậy pháp lý cho nhà đầu tư; (3) Việc thiết lập cả hai thiết chế phản ánh mức độ hoàn chỉnh và hiện đại của hệ thống thể chế pháp lý trong TTTCQT, tạo nền tảng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời nâng cao khả năng giải quyết tranh chấp hiệu quả, linh hoạt, theo chuẩn mực quốc tế; (ii) Mô hình, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTCQT và các nội dung cụ thể sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định của Chính phủ; (iii) Hòa giải thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp dân sự – thương mại trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận của các bên, không mang tính quyền lực nhà nước như Tòa án hay có cơ chế ràng buộc như Trọng tài. Do đó: (1) Cơ chế hòa giải không nhất thiết phải được thiết lập như một thiết chế chính thức trong cấu trúc tổ chức của TTTCQT. Theo quy định của Luật Hòa giải thương mại, các bên có quyền tự do lựa chọn trung tâm hòa giải, hòa giải viên, địa điểm và ngôn ngữ hòa giải – bao gồm cả việc lựa chọn các tổ chức hòa giải trong nước hoặc quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ; (2) Việc không đưa hòa giải thương mại vào cơ cấu tổ chức chính thức của TTTCQT không đồng nghĩa với việc loại trừ phương thức này. Trên thực tế, TTTCQT là môi trường thuận lợi để phát triển các hoạt động hòa giải thương mại theo nhu cầu thị trường. Các tổ chức hòa giải thương mại độc lập, trong và ngoài nước, có thể hoạt động tại TTTCQT theo quy định pháp luật, mà không cần thiết phải quy định cứng trong Nghị quyết thành lập TTTCQT; (3) Xu hướng sử dụng hòa giải thương mại được ghi nhận, nhưng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào tập quán, niềm tin và mức độ chấp nhận của doanh nghiệp. Do đó, Nghị quyết không quy định riêng cơ chế này, mà để thị trường tự vận hành theo nhu cầu, trên nền tảng pháp luật hiện hành; (4) Thông lệ quốc tế cũng cho thấy đa phần các trung tâm tài chính quốc tế không thiết lập sẵn một thiết chế “hòa giải” như một phần cứng của tổ chức TTTC, mà để các trung tâm hòa giải độc lập hoạt động linh hoạt theo nhu cầu của các bên; (iv) Về quyền từ bỏ yêu cầu Tòa án hủy quyết định công nhận phán quyết của Trọng tài tại Khoản 3, Điều 30 của dự thảo Nghị quyết: Đây là một nhu cầu chính đáng của các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế. Quá trình xây dựng chính sách, các Quỹ đầu tư, các định chế tài chính quốc tế,... đều đề nghị phải có chính sách này để đảm bảo quyền lợi chính đáng của các nhà đầu tư. Do đó, Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị và dự thảo Nghị quyết đã bổ sung vào cơ chế áp dụng cho Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTCQT (là đối tượng được thành lập theo Nghị quyết này). Đối với các Trung tâm trọng tài khác nằm ngoài TTTCQT thì hoạt động theo Luật trọng tài thương mại, nên muốn áp dụng chính sách này, thì phải sửa Luật Trọng tài thương mại. Không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

5. Về tổ chức thực hiện

5.1. Về quản lý, giám sát đối với TTTC (Điều 31)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: Làm rõ mô hình giám sát của TTTC. Cần quy định rõ cơ chế theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết thông qua hệ thống chỉ số đánh giá (KPI) cụ thể; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình triển khai. Sau thời gian thực hiện từ 3 đến 5 năm, cần tổng

kết, đánh giá toàn diện để kiến nghị điều chỉnh, hoàn thiện hoặc luật hóa nếu thấy phù hợp.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc giám sát TTTCQT là vấn đề rất phức tạp, nhạy cảm, có liên quan đến nhiều lĩnh vực và đối tượng, tác động lớn tới ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn và an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia. Do đó, việc tổ chức và thực hiện giám sát tại TTTCQT sẽ được thiết kế trên cơ sở tiếp cận theo rủi ro, phù hợp với thông lệ quốc tế, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Dự kiến Cơ quan giám sát TTTCQT (sẽ được thành lập) chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát một số hoạt động cốt lõi tại TTTCQT. Đồng thời, các cơ quan hiện hành như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an và các cơ quan liên quan khác vẫn tiếp tục thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành theo thẩm quyền được pháp luật hiện hành quy định. Chính phủ sẽ quy định chi tiết trong quá trình triển khai, bảo đảm không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, giảm thủ tục hành chính, nhưng vẫn tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, kiểm soát rủi ro và phòng ngừa gian lận, sai phạm.

Về hệ thống chỉ số đánh giá (KPI) và cơ chế giám sát thực thi Nghị quyết: Việc xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả thực hiện Nghị quyết là cần thiết, tuy nhiên việc thiết kế, lựa chọn và vận hành hệ thống KPI cần được thực hiện một cách linh hoạt, cập nhật theo thực tiễn triển khai, tránh việc “đóng khung” trong Nghị quyết dẫn đến khó điều chỉnh khi cần. Chính phủ sẽ chỉ đạo xây dựng các tiêu chí, chỉ số giám sát đánh giá phù hợp, và định kỳ báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết.

Về tổng kết sau 3-5 năm và khả năng luật hóa: Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý và quy định theo hướng: sau một thời gian thực hiện (3-5 năm), sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá toàn diện việc tổ chức vận hành TTTCQT, từ đó làm cơ sở để kiến nghị hoàn thiện cơ chế chính sách, và luật hóa khi điều kiện chín muồi, nhằm đảm bảo tính ổn định, lâu dài của mô hình này.

Về định hướng dài hạn nâng cao năng lực giám sát: Trong giai đoạn tiếp theo, cần tập trung nâng cấp năng lực giám sát của Cơ quan giám sát TTTCQT theo hướng hoạt động độc lập, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ pháp lý (regtech, supotech). Trên cơ sở thực tế triển khai, Chính phủ sẽ tiếp tục phân cấp, ủy quyền hợp lý để vừa phát huy hiệu quả của thiết chế mới, vừa bảo đảm sự kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống.

5.2. Về hiệu lực thi hành (Điều 35)

Đại biểu Quốc hội đề nghị: (i) Rà soát kỹ hiệu lực thi hành của Nghị quyết để đưa TTTCQT đi vào hoạt động; quy định rõ Nghị quyết có hiệu lực trong 10 năm kể từ ngày 01/01/2026 để đảm bảo tính thử nghiệm có kiểm soát, tạo khung pháp lý ổn định cho nhà đầu tư; (ii) Sớm ban hành Nghị định và nên có hiệu lực ngay sau khi Quốc hội ban hành; (iii) Bổ sung quy định: “chỉ áp dụng miễn, giảm trách nhiệm nêu hành vi có cơ sở pháp lý rõ ràng và được thẩm định rủi ro trước



khi ban hành”; Ngoài ra, nội dung quy định tại khoản 4 Điều 35 dự thảo Nghị quyết đã được quy định tại khoản 11 Điều 68 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc miễn trừ trách nhiệm.

Tiếp thu, giải trình của Chính phủ: (i) Để đảm bảo cơ sở pháp lý ổn định, bền vững đề thu hút các nhà đầu tư, định chế tài chính lớn trên thế giới vào TTTC tại Việt Nam, dự thảo không quy định rõ Nghị quyết có hiệu lực trong 10 năm kể từ ngày 01/01/2026. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 35 đã quy định: Chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm 2034, Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết và đề xuất ban hành Luật về Trung tâm Tài chính, nhằm thiết lập cơ sở pháp lý lâu dài, ổn định và bền vững; (ii) Chính phủ đã có kế hoạch xây dựng các Nghị định hướng dẫn thi hành Nghị quyết và sớm trình ban hành; (iii) Các chính sách trong Nghị quyết đều mới, chưa có tiền lệ tại Việt Nam, chưa có cơ sở để tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Để khuyến khích tư duy đột phá và dám nghĩ dám làm, cần có cơ chế bảo vệ cán bộ triển khai TTTCQT. Theo đó, khoản 4 Điều 35 quy định về cơ chế miễn trừ trách nhiệm tương tự như tại khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm tra, Chính phủ đã sửa đổi nội dung tại khoản 4 Điều 35 theo hướng dẫn chiếu tới khoản 11 Điều 68 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự án xây dựng Nghị quyết. Trên cơ sở đó, Chính phủ hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đính kèm.

Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đề trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9./.

(Xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa, tiếp thu hoàn thiện)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ: TC, CT, NV, TP, CA, NN&MT, NHNNVN;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Văn Thắng